



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN



SINCE 1989

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

KP. 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (028) 3873 3666 - FAX: (028) 3873 3003



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025



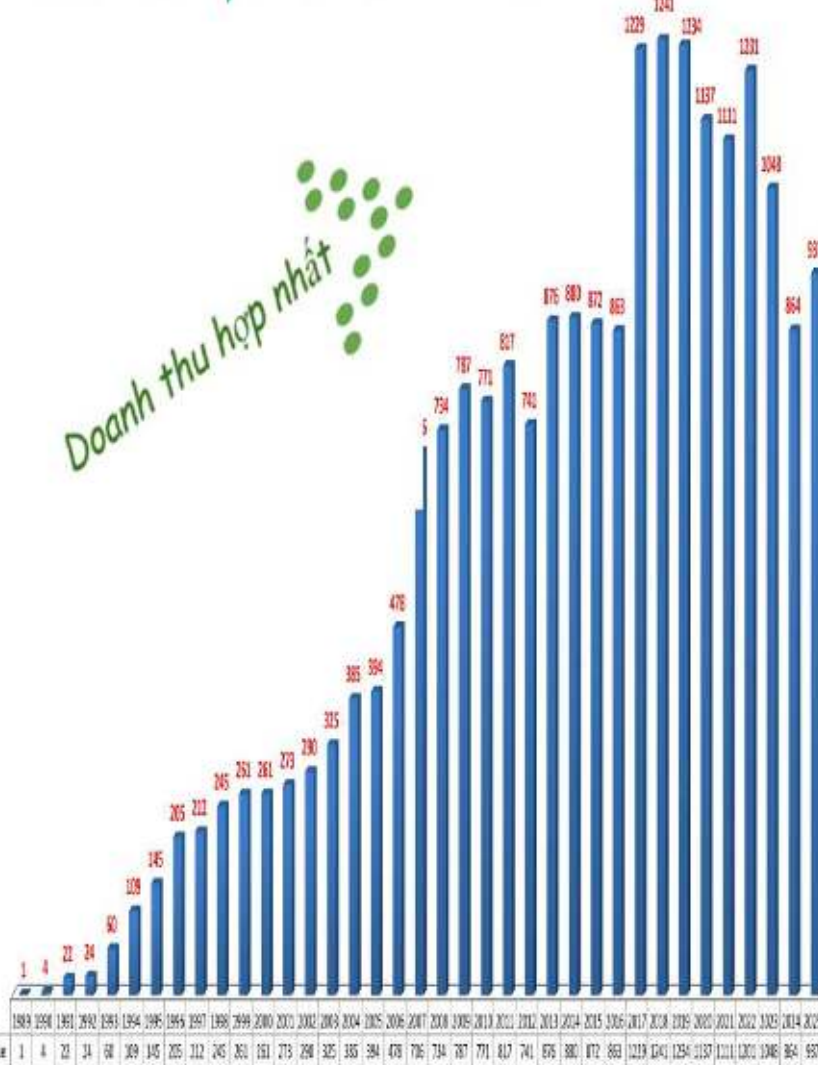


**TỰ HÀO 3 LẦN LIÊN TIẾP
ĐẠT THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA
2020 - 2022 - 2024**

QĐ 2534/QĐ-BCT, ngày 29 tháng 09 năm 2020
QĐ 1977/QĐ-BCT, ngày 29 tháng 09 năm 2022
QĐ 2776/QĐ-BCT, ngày 21 tháng 10 năm 2024

SPC Green and More

Doanh thu hợp nhất



NỘI DUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát	07
Lịch sử hình thành và phát triển	13
Các đơn vị trong và ngoài nước	19
Cơ cấu sản phẩm	28
Mục tiêu chiến lược	33
Phân tích SWOT	35

TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu quản trị	42
Thành viên Hội đồng quản trị	44
Thành viên Ban kiểm soát	47
Ban giám đốc, Kế toán trưởng	49
Cơ cấu cổ đông	57
Tình hình tài chính	61

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội đồng quản trị	63
Báo cáo của Ban điều hành	80
Báo cáo của Ban kiểm soát	94

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo Kiểm toán độc lập	109
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	110
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	112
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	113
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	115



37 YEAR



Giới thiệu về

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY

SPC Xanh, Thơm, Xanh



Quý hà
**THƯƠNG HIỆU
QUỐC GIA
VIỆT NAM**

Năm 2020 – 2022 – 2024

Proud of product meets
Vietnam's National Brand in **2020 – 2022 – 2024**



Xí nghiệp Sản xuất thuốc Bảo vệ thực vật Sài Gòn
ở KCN Hiệp Phước



Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300632232 do Sở KHĐT TP.HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 14/06/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03/09/2025

Vốn điều lệ: 105.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 105.300.000.000 đồng

Địa chỉ: KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận, Tp.HCM

Số điện thoại: 028.38733666

Số fax: 028.38733391 – 028.38733003

Website: www.spchcmc.vn

Mã cổ phiếu: SPC



Ngành nghề kinh doanh chính

Sản xuất, gia công, mua bán, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

Sản xuất, gia công, mua bán phân bón, giống cây trồng

Kinh doanh thuốc thú y

Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh)

Dịch vụ tư vấn về trồng trọt

Dịch vụ xông hơi khử trùng

Dịch vụ xử lý chất thải, phân tích mẫu hóa chất



CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 37 NGÀY THÀNH LẬP SPC

Năm

15/3/1989 15/3/2026

37 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 15/03/1989, ngày viên gạch đầu tiên đặt nền móng để xây dựng Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn – nay là Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn – SPC.

Khi mới thành lập, công ty chỉ sản xuất và phân phối 03 sản phẩm, với đội ngũ CB-NV là 30 người. Qua 37 năm hình thành và phát triển, đến nay Công ty đã có gần 300 cán bộ công nhân viên; quy mô hoạt động với 05 Chi nhánh trong nước, 03 Công ty con ở nước ngoài; nhà máy rộng 4,3 ha tại KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh được trang bị máy móc thiết bị hiện đại, hệ thống quản lý môi trường đạt tiêu chuẩn ISO 14001; hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001.



Khởi công xây dựng nhà máy

Công ty đã hợp tác nhiều đối tác kinh doanh uy tín trên thế giới như KVF, LG Chem (Hàn Quốc); Haifa (Israel); Nongfeng (Trung Quốc); Agria (Bungari)... Đến nay, bộ sản phẩm của Công ty đã có trên 100 loại, hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc và một số nước lân cận; doanh thu của Công ty hiện đạt trên 900 tỷ đồng/năm, là một trong những công ty có thị phần về thuốc bảo vệ thực vật lớn nhất Việt Nam, đã góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nước nhà.

Ba mươi bảy năm hình thành và phát triển vươn lên trải qua các gian nan thử thách, chia sẻ thành quả đạt được và mỗi giai đoạn lịch sử, Công ty đều gặp những khó khăn, thách thức riêng, nhưng với sự chung sức đồng lòng, góp sức của bao thế hệ cán bộ công nhân viên, Công ty đã lần lượt vượt qua, đứng vững và phát triển đến ngày hôm nay đã khẳng định vị thế của mình.

Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2000: Thành lập Nhà máy và tách ra hoạt động độc lập.

Giai đoạn vừa thành lập, cơ sở vật chất còn đơn sơ, bộ máy tổ chức còn khiêm tốn nhưng với lòng nhiệt huyết của toàn thể CB-CNV, sự định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo, sản phẩm của Công ty đã được thị trường đón nhận tích cực, thương hiệu SPC đã bắt đầu lan tỏa.

Ngày 18/02/1993, thực hiện Quyết định số 68/QĐ-UB của UBND TP.HCM, Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển thành DNNN Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn, trực thuộc UBND TP.HCM. Xí nghiệp bắt đầu hoạt động hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân và tách khỏi Chi cục Bảo vệ Thực vật TP.HCM. Đây là bước chuyển mạnh mẽ của Nhà máy để thực hiện tự lập về mọi mặt.



Trụ sở Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Mặc dù mới “ra ở riêng” nhưng Nhà máy đã ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình về sự nghiệp phát triển trong tương lai. Ngày 22/04/1994, theo quyết định số 1177/QĐ-UB-NC của UBND TP.HCM, Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn chính thức trở thành Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Thời gian này, Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội. Việc ra đời chi nhánh, bước đầu đã thể hiện sự lớn mạnh của Công ty.

Và năm 1997, thực hiện việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã trở thành đơn vị thành viên của Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn. Công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục thay đổi và áp dụng cơ chế làm việc mới. Tuy nhiên, các hoạt động của Công ty vẫn phát triển không ngừng.



Lực lượng công nhân Nhà máy thuốc trừ sâu Sài Gòn những ngày đầu

Giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010: Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, thực hiện cổ phần hóa.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước, ngày 09/02/2004, theo quyết định số 482/QĐ-UB của UBND TP.HCM, DNNN Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn được chuyển đổi thành Công ty TNHH 1 TV Thuốc trừ sâu Sài Gòn. Tiếp theo, ngày 30/06/2004, theo quyết định số 3131/QĐ-UB của UBND TP.HCM. Công ty TNHH 1 TN Thuốc trừ sâu Sài Gòn đã đổi tên thành Công ty TNHH 1 Thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn để phù hợp với hoạt động của Công ty.

Và ngày 27/12/2007, theo Quyết định số 5698/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Bảo vệ Thực vật Sài Gòn thành Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn.

Ngày 09/06/2008, Đại hội cổ đông lần đầu của Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được tổ chức, đã thông qua Điều lệ tổ chức hoạt động, bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và phương án hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn chính thức hoạt động theo mô hình mới kể từ ngày 14/06/2008.

Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ nhất của Công ty về quy mô hoạt động và mạng lưới kinh doanh. Ngoài việc thành lập 2 công ty con tại Lào và Campuchia, 15 chi nhánh tại khắp các vùng nông nghiệp trên cả nước lần lượt ra đời; Và theo quy hoạch của Thành phố, Công ty đã thực hiện di dời và đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc trên khuôn viên rộng 4,3 héc ta tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM, và từ đó bộ phận sản xuất chính thức mang tên Xí nghiệp Bảo vệ thực vật Sài Gòn.



Trụ sở Xí nghiệp Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay: Những bước tiến lên

Sau cổ phần hóa năm 2008, mặc dù nền tảng công ty đã khá ổn định, thương hiệu của Công ty đã được thị trường đón nhận, song hoạt động của Công ty gặp không ít khó khăn. Giai đoạn này, Công ty vừa phải tự điều chỉnh các hoạt động, nguồn vốn để thích nghi với cơ chế mới, Công ty vừa phải đối đầu với các thử thách trên thị trường như cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 dẫn đến suy thoái nền kinh tế, đặc biệt là khu vực Châu Á đã kéo dài nhiều năm làm tỷ giá biến động thất thường; giá cả nguyên liệu nhập khẩu leo thang,...

Để vượt qua khó khăn chung của ngành thuốc bảo vệ thực vật, Công ty đã thực hiện chiến lược đầu tư sang lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu ngành hàng sang kinh doanh hạt giống bắp. Tuy nhiên, “mưa không thuận” và “gió không hòa”, hầu hết các chiến lược này của Công ty bị thất bại. Đồng thời, giai đoạn này tình hình nhân sự của Công ty bị khủng hoảng trầm trọng. Công ty tưởng như bị “lung lay” bởi khó khăn chồng chất khó khăn. Tuy nhiên, toàn thể CBCNV Công ty đã đoàn kết một lòng để vượt qua, quyết tâm giữ vững mọi hoạt động, kịp thời xử lý các tồn tại và tập trung sâu hơn vào lĩnh vực kinh doanh chính là thuốc bảo vệ thực vật; Đến năm 2010, doanh thu của Công ty đã đạt mức 700 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 25 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty tiếp tục thành lập 1 văn phòng đại diện và 3 chi nhánh trong nước; và qua thời gian thăm dò thị trường đến năm 2017 Công ty chính thức thành lập Chi nhánh tại Liên bang Myanmar.

Năm 2016, Cục Bảo vệ Thực vật thông báo loại bỏ một số hoạt chất ra khỏi danh mục thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty đã mở ngành hàng kinh doanh phân bón, nông sản, nước uống đóng chai, tăng cường đầu tư vốn vào Công ty liên kết; đến tháng 1/2018 Công ty cổ phần Thương mại Mộc Hóa chính thức trở thành công ty con của Công ty, và từ tháng 12/2018 Công ty đã được Chi cục Bảo vệ Trồng Trọt Tp.HCM cho phép đủ điều kiện được tổ chức sản xuất phân bón vô cơ tại Xí nghiệp Hiệp Phước.

Qua 37 năm Công ty đã không ngừng lớn mạnh mở rộng và phát triển mọi mặt, sản phẩm của Công ty đã có mặt khắp các thị trường trong nước và thị trường nước ngoài như Campuchia, Lào, Myanmar... Và tương lai không xa các sản phẩm của Công ty sẽ vươn tới thị trường các nước trong và ngoài khu vực Đông Nam Á. Có được kết quả như ngày hôm nay, Công ty ghi nhận và luôn biết ơn công sức của các thể hệ cán bộ, công nhân viên, người lao động đã gần bỏ cả tuổi thanh xuân, cống hiến hết mình và dành cả đời mình cho sự nghiệp 37 năm hội nhập, đổi mới phát triển, vững bước đi lên của Công ty.



Trụ sở Văn phòng Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

CÁC ĐƠN VỊ TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC



CÔNG TY TNHH BVTV SÀI GÒN TẠI LÀO
Km 21, Street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District,
ChamPaSak Province, Lao P.D.R



CB.CNV tại SPC Lào



SPC đến thăm và làm việc tại Trung tâm nghiên cứu Lúa Gạo tại Viêng Chăn, Lào



SPC tổ chức Hội thảo giới thiệu sản phẩm cho Đại lý tại tỉnh Xiangkhouang, Bắc Lào.



Lãnh đạo SPC đến thăm và làm việc với Khách hàng SPC Lào



Lãnh đạo SPC đến thăm và làm việc với khách hàng SPC Lào



Lễ khai trương chi nhánh Myanmar, ngày 17/07/2017



Bà: Lê Thị Phượng – Chủ tịch HĐQT Phát biểu khai mạc
Lễ ra mắt Chi nhánh Myanmar, ngày 17/07/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BVTV SÀI GÒN TẠI CPC
225GB, St. Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh.
Russeykeo, Phnom Penh.



CB.CNV tại SPC Campuchia



Hội thảo thương mại khách hàng SPC CPC năm 2025 tại Trung Quốc

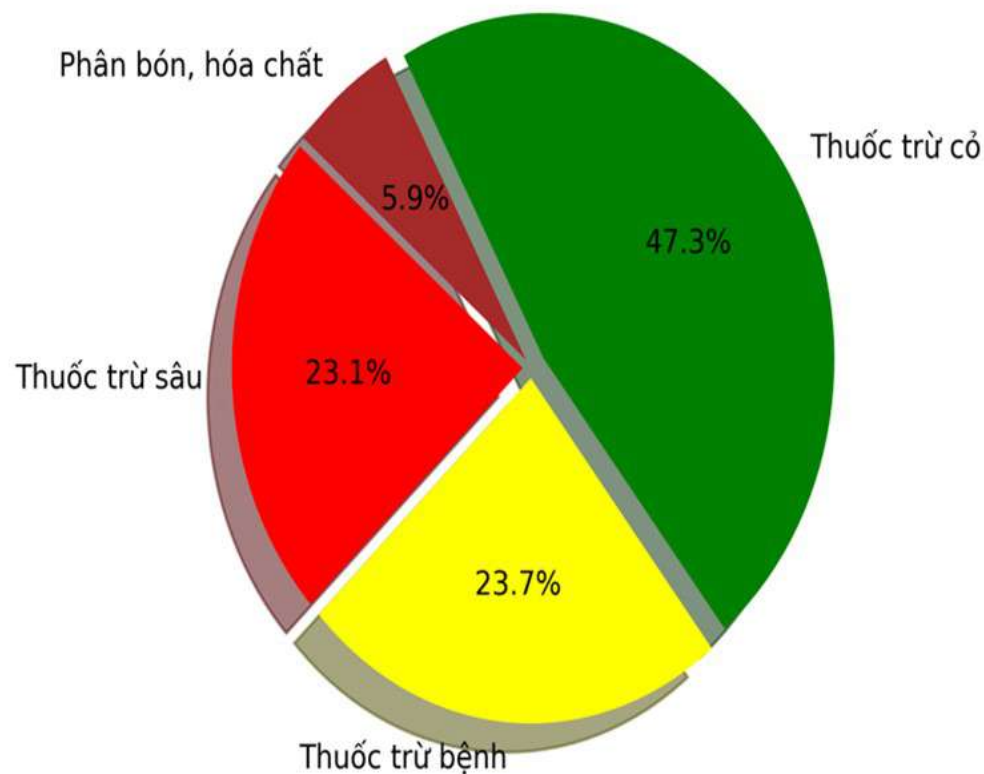


Trụ sở Xí nghiệp Bảo vệ Thực vật Sài Gòn





CƠ CẤU SẢN PHẨM CỐT LÕI NĂM 2025



Thuốc trừ bệnh: Đây là nhóm sản phẩm có mức độ phụ thuộc cao vào điều kiện thời tiết, doanh số thường biến động tương ứng với diễn biến dịch hại trong từng năm. Trong năm 2025, doanh số nhóm thuốc trừ bệnh chỉ chiếm khoảng 23,7%.



Thuốc trừ cỏ: Thị trường thuốc trừ cỏ có tính ổn định tương đối và ít chịu tác động từ yếu tố thời tiết; do đó, tương tự xu hướng chung của các doanh nghiệp cùng ngành, nhóm sản phẩm thuốc trừ cỏ của SPC chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản phẩm, năm 2025 tỷ lệ là 47,3%.



Thuốc trừ sâu: Nhóm sản phẩm thuốc trừ sâu chịu ảnh hưởng theo diễn biến thời tiết và tình hình dịch hại trong từng vụ mùa; theo đó, doanh số của nhóm sản phẩm này chiếm khoảng 23,1% trong cơ cấu doanh thu của Công ty.



VĂN HÓA CÔNG TY



Tâm nhìn và Sứ mạng

Tâm nhìn

Trở thành Công ty dịch vụ Nông nghiệp nhiệt đới hàng đầu, nơi tiên phong ứng dụng các phát minh và công nghệ mới.

Sứ mạng

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng, thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.

Các giá trị cốt lõi và những nguyên tắc cơ bản

Thành tựu

Sự thỏa mãn khách hàng, người lao động, cộng đồng và các cổ đông là cơ sở của việc đánh giá những thành tựu của chúng tôi.

Chúng tôi luôn biết trân trọng những thành tựu của mình và niềm vinh dự, tự hào của chúng tôi đến từ những thành tựu của chúng tôi.

Thông qua những thành tựu, chúng tôi được nhận biết, được tôn trọng bởi các đối tác, bởi cộng đồng và các cổ đông.

Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi và cộng

Đồng đội

Làm việc đồng đội là cách thức để chúng tôi thỏa mãn tốt các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

Chúng tôi làm việc đồng đội trong từng đơn vị, giữa các đơn vị, với các đối tác bên ngoài và với khách hàng để thực hiện với chất lượng cao nhất những cam kết của chúng tôi.

Không có người chiến thắng trong đội thất bại và cũng sẽ không có người thất bại trong đội thành công.

Chúng tôi là một gia đình lớn trong đó các thành viên tin cậy, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau.

Chuyên nghiệp

Chuyên nghiệp thể hiện ở chất lượng công việc cao. Tính chuyên nghiệp đòi hỏi trách nhiệm cá nhân, sự tận tâm và những phương pháp làm việc hiệu quả.

Chúng tôi luôn tận tâm cao với công việc và với đồng sự với một ý chí vượt qua mọi thách thức. Hành động của mỗi người chúng tôi luôn thể hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp cao.

Chúng tôi chịu trách nhiệm với những kết quả làm việc của mình. Chúng tôi luôn kiên trì và

làm việc hết mình để thực hiện tốt những cam kết nhằm thỏa mãn những yêu cầu và mong muốn của khách hàng.

Chúng tôi mở rộng tự chủ để bảo đảm sử dụng các nguồn lực với hiệu suất cao nhất cho việc thực hiện tốt các công việc và những cam kết với khách hàng. Các thành viên trong toàn Công ty được trao quyền để tự do làm những điều đúng.

Đổi mới

Liên tục hoàn thiện, phát triển, và đổi mới là cách thức để chúng tôi hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và đam mê của mình. Chúng tôi luôn cố gắng học tập, nghiên cứu, và phát triển để có chất lượng công việc cao hơn và thỏa mãn tốt hơn các nhu cầu và mong đợi của khách hàng.

Chúng tôi nuôi dưỡng những ước mơ, khát vọng, và những đam mê về một nền Nông Nghiệp xanh và bền vững, và những giá trị gia

tăng ngày càng cao cho những khách hàng của chúng tôi.

Học tập và phát triển là phong cách sống của mỗi thành viên và toàn bộ tổ chức. Mỗi người chúng tôi thường xuyên học tập và phát triển để hiện thực hóa những ước mơ, khát vọng, và những đam mê của chúng tôi.

Thông qua học tập, nghiên cứu, và phát triển, chúng tôi định hướng hành động vào việc liên tục hoàn thiện việc thực hiện của mình để tạo ra sự phát triển bền vững cho Công ty.

MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC

1. Củng cố và phát triển quan hệ khách hàng

- Duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm gia tăng mức độ hài lòng của khách hàng.
- Tăng cường các chương trình chăm sóc khách hàng, hỗ trợ kỹ thuật và truyền thông thương hiệu.
- Phát huy hiệu quả hệ thống phân phối hiện hữu, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng.
- Phát triển các chiến lược phát triển thị trường - sản phẩm phù hợp với từng khu vực trong từng giai đoạn.

2. Nâng cao năng lực phản ứng thị trường

- Hoàn thiện hệ thống hoạch định, thu thập, dự báo, phân tích thông tin thị trường về nhu cầu khách hàng và xu hướng cạnh tranh.
- Xây dựng cơ chế cập nhật thông tin thường xuyên để phục vụ công tác hoạch định và điều hành.
- Theo dõi chặt chẽ những biến động của môi trường kinh doanh nhằm chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

3. Nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và công nghệ nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tiếp nhận công nghệ và phát triển sản phẩm mới.
- Xây dựng và phát triển các liên minh chiến lược nhằm tạo sự phát triển bền vững cùng có lợi.

4. Hoàn thiện hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực.

- Nâng cao hiệu quả quản trị, phát huy tính năng động, chủ động sáng tạo trong toàn hệ thống.
- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các đơn vị và các cá nhân đảm bảo hệ thống được vận hành đồng bộ và hiệu quả.

- Tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực sẵn có, huy động có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội phục vụ cho sự phát triển của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Ứng dụng công nghệ số trong công tác quản trị, quản lý điều hành, công tác chuyên môn, kiểm soát rủi ro.



PHÂN TÍCH SWOT

- Từ chính cái thiện: Năm 2025 có lợi nhuận, phục hồi rõ rệt sau giai đoạn thua lỗ, cho thấy hiệu quả tài cơ cấu.

- Thương hiệu và thị phần ổn định: Uy tín hàng đầu trong ngành vật tư nông nghiệp, mang lại phân phối rộng rãi trong nước và tại Lào, Campuchia.

- Doanh mục sản phẩm đa dạng: Có sản phẩm chủ lực phù hợp xu hướng nông nghiệp bền vững.

- Quản trị vận hành hiệu quả hơn: Tính gọn bộ máy, kiểm soát chi phí, tồn kho và nợ tốt.

- Đội ngũ CBQL, CNV nhiều kinh nghiệm, tinh huyết gắn bó, đoàn kết nội bộ, thống nhất quyết tâm cao trong thực hiện mục tiêu nhiệm vụ.

- Hiệu quả sản xuất chưa tối ưu: Giá trị sản xuất và sản lượng chỉ đạt ~87,8% kế hoạch.

- Dự báo thị trường còn hạn chế: Kế hoạch chỉ đáp ứng khoảng 65% nhu cầu thực tế.

- Năng lực cạnh tranh chưa cao: Chi phí và giá thành còn cao, năng suất sản xuất còn thấp, quản trị chi phí và rủi ro còn hạn chế. Kiểm soát chi phí chưa cập nhật kịp thời.

- Đầu tư máy móc, thiết bị chưa đồng bộ, hiện đại hóa chưa cao, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Năng lực tài chính còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô, khả năng và tiềm năng phát triển.

ĐIỂM MẠNH

CƠ HỘI

S.W.O.T

ĐIỂM YẾU

THÁCH THỨC

- Điều kiện thời tiết, thổ nhưỡng, lực lượng sản xuất phù hợp cho sản xuất nông nghiệp, diện tích đất canh tác được duy trì, năng suất cây trồng ngày càng tăng cao, dự kiến tăng trưởng doanh số còn cao.

- Ngành nông nghiệp tăng trưởng ổn định, là trụ đỡ của nền kinh tế, là nền tảng quan trọng cho sự phát triển, đóng góp vào tăng trưởng chung của nền kinh tế VN.

- VN đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh làm động lực chính trong tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

- Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tỷ giá và lãi suất tăng có kiểm soát, ổn định tình hình sản xuất, xuất khẩu và đầu tư phát triển cho doanh nghiệp, giữ niềm tin thị trường, thúc đẩy tăng trưởng.

- Ứng dụng marketing số và truyền thông hiện đại, tăng khả năng tiếp cận khách hàng và nâng cao nhận diện thương hiệu.

- Ngành thuốc BVTV phục vụ cho nông nghiệp nên phụ thuộc phần lớn vào điều kiện tự nhiên về thời tiết, khí hậu, dịch bệnh phát sinh, giá cả nông sản.

- Xu hướng chuyển đổi sang nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học, yêu cầu về kinh tế xanh, kinh tế số ngày càng khắt khe của thị trường.

- Đô thị hóa, công nghiệp hóa ngày càng nhanh, diện tích đất dành cho nông nghiệp ngày càng thu hẹp.

- Xung đột địa chính trị kéo dài, căng thẳng thương mại, gia tăng bảo hộ, đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động tỷ giá ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp.

- Cạnh tranh trong ngành thuốc BVTV gay gắt, đặc biệt đến từ các tập đoàn lớn gây áp lực lên giá bán, biên lợi nhuận.





LÃNH ĐẠO CÔNG TY GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1) Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng – Chủ tịch HĐQT**

Giai đoạn 2008–2011

2) Bà Phó Nam Phương – Chủ tịch HĐQT

Giai đoạn 2011–2012

3) Ông Dương Minh Quang – Chủ tịch HĐQT

Giai đoạn 2012–2015

4) Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh – Chủ tịch HĐQT

Giai đoạn 2015–2016

5) Bà Lê Thị Phương – Chủ tịch HĐQT

Giai đoạn 2017–2023

6) Ông Võ Anh Tùng – Chủ tịch HĐQT

Giai đoạn 2023 đến nay

7) Ông Tống Xuân Phú – Phó Chủ tịch HĐQT

Giai đoạn 2023 đến nay

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**LÃNH ĐẠO CÔNG TY GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY****GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH****1) Ông Nguyễn Văn Nửa**

Quyền Giám đốc Nhà máy Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Giai đoạn 1989–1992

2) Bà Lê Thị Bích Liễu

Giám đốc Xí nghiệp Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Giai đoạn 1992–1999

3) Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng

Giám đốc Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn

Giai đoạn 1999–2010

4) Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh

Giám đốc Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn

Giai đoạn 2010–2015

5) Ông Nguyễn Quốc Dũng

Giám đốc Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn

Giai đoạn 2015 đến 2025

6) Ông Điều Quang Trung

Giám đốc Công ty Cổ phần BVTV Sài Gòn

Giai đoạn 2025 đến nay

LÃNH ĐẠO CÔNG TY GIAI ĐOẠN 1989 ĐẾN NAY

PHÓ GIÁM ĐỐC

1) Ông Nguyễn Văn Nữa

PGĐ phụ trách sản xuất – Giai đoạn 1992-1998

2) Ông Bùi Văn Thống

PGĐ phụ trách sản xuất – Giai đoạn 1998-2007

3) Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng

Phó giám đốc – Giai đoạn 1996-1999

4) Ông Nguyễn Xuân Tiến

PGĐ phụ trách đầu tư, NSHC – Giai đoạn 2008-2011

5) Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh

PGĐ phụ trách tài chính – Giai đoạn 2005-2008

PGĐ thường trực – Giai đoạn 2008-2010

6) Ông Yeo Joo Hua

PGĐ kinh doanh trong nước, nước ngoài, XNK

– Giai đoạn 2004-2009

PGĐ Kinh doanh nước ngoài, XNK – Giai đoạn 2009-2011

7) Ông Nguyễn Quốc Dũng

PGĐ kinh doanh trong nước – Giai đoạn 2009-2015

8) Ông Hà Quốc Cường

PGĐ phụ trách khối SX và Nông trại – Giai đoạn 2012-2015

9) Bà Nguyễn Ngọc Bích

Phó giám đốc – Giai đoạn 2013-2023

10) Ông Điều Quang Trung

Phó giám đốc – Giai đoạn 2015 đến 2025

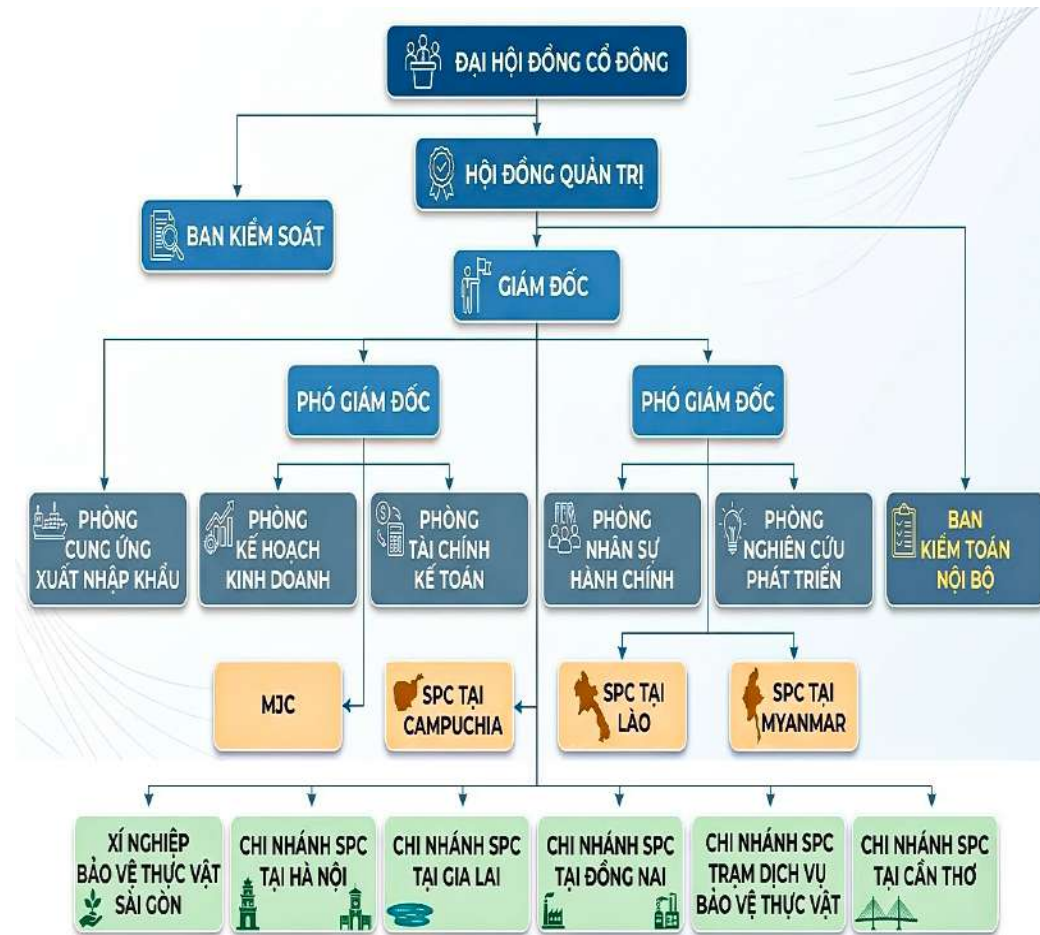
11) Bà Bùi Thị Ánh Tuyết

Phó giám đốc – Giai đoạn 2023 đến nay

12) Ông Võ Thanh Sang

Phó giám đốc – Giai đoạn 2025 đến nay

CƠ CẤU QUẢN TRỊ



Công ty con, liên kết	Địa chỉ	HĐKD chính	VĐL thực góp
Công ty TNHH MTV BVTV Sài Gòn - Lào	Km 21, street 13, Ban Phatthanahoase, Bachieng District, ChamPaSak Province, Lao PRD.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	19.332.237.752 đ
CTCP BVTV Sài Gòn - Cambodia	225GB, St. Vithyalay, Sk. Chrouy Changwa, Kh. Russeykeo, Phnom Penh.	Kinh doanh ngành nông nghiệp	1.895.355.000 đ
CTCP Thương mại Mộc Hóa	72 Trần Hưng Đạo, KP1, P1, Phường Kiến Tường, Tây Ninh	Kinh doanh ngành nông nghiệp	9.856.800.000 đ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông: VÕ ANH TÙNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Hành chính Nhà nước; CN Kinh tế Thủy sản, CN Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 07/1998 - 05/2005: Phó Bí thư Quận đoàn, Chủ tịch Hội đồng đội Quận.
 - 05/2005 - 12/2008: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Trưởng Khối Dân vận Đảng ủy, Bí thư Chi bộ.
 - 12/2008 - 05/2013: Bí thư Chi bộ, Phó trưởng Phòng Kinh tế
 - 05/2013 - 10/2014: Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1, Quận 8.
 - 10/2014 - 07/2020: Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, Phó trưởng ban Tổ chức Đảng ủy TCT Nông Nghiệp Sài Gòn.
 - 07/2020 - 3/2022: Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, Trưởng ban Tổ chức Đảng Ủy, Giám đốc Tổ chức - Nhân sự TCT Nông Nghiệp Sài Gòn.
 - 11/2021 - nay: Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc TCT Nông Nghiệp Sài Gòn.
 - Từ 04/2023: Chủ tịch HĐQT Công SPC
- **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: TÓNG XUÂN PHÚ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó chủ tịch HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 05/1993 – 09/2002: Kế toán Công ty XNK Nông lâm hải sản TP.HCM
- 10/2002 – 12/2002: Kế toán tại TCT Nông nghiệp Sài Gòn
- 01/2003 – 03/2007: Kế toán trưởng, kiêm Trưởng phòng nghiệp vụ Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi An Phú
- 04/2007 – 09/2013: Phó trưởng phòng nghiệp vụ Công ty Chăn nuôi và Chế biến Thực phẩm Sài Gòn
- 10/2013 – 12/2015: Kế toán trưởng Công ty Chăn nuôi và Chế biến Thực phẩm Sài Gòn.
- 01/2016 – 08/2019: Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Phó GD Công ty Chăn nuôi và Chế biến Thực phẩm Sài Gòn.
- 09/2019 – 03/2021: Phó Giám đốc Tài chính – Kế toán TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 03/2020 – 08/2024: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thực phẩm Gò Vấp.
- 04/2021–04/2023: Trưởng BKS nội bộ TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 01/2020 – 04/2021: Bí thư Chi bộ Phòng TC – KT – KSV Tổng Công ty.
- 05/2021 – 04/2023: Bí thư Chi bộ Kiểm soát nội bộ - Pháp chế Tổng Công ty.
- Từ 04/2023: Phó chủ tịch HĐQT Công ty SPC
- Từ 03/2025: Bí thư Đảng bộ Công ty SPC

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: ĐIỀU QUANG TRUNG
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành SPC.

Quá trình công tác:

- 2000 - 2003: Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp.
- 2003 - 2004: Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet.
- 2004 - 2007: Kế toán Tổng hợp Công ty SPC.
- 2007 - 2008: Phó phòng Kế toán Công ty SPC.
- 2008 - 2009: Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC.
- 2009 - 2011: Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 2011 - 04/2015: Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- Từ 04/2015 – 04/2025: Phó Giám đốc Công ty SPC.
- Từ 25/04/2025- nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành Công ty SPC

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: VÕ VĂN NGHỊ
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Nông nghiệp

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Thành viên HĐQT độc lập SPC

Quá trình công tác:

- Từ 2003 – nay: Giám đốc Công ty TNHH TM Nông Phú.
- Từ 04/2023: Thành viên HĐQT độc lập Công ty SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: HUỖNH CHÍ QUYỀN
THÀNH VIÊN HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Thành viên HĐQT SPC

Quá trình công tác:

- 01/2019 – 04/2022: Kế toán tại Công ty NEW AGE SERVICES – CANADA.
- Từ 04/2022 – Đến nay: Kế toán tại Công ty TNHH SX VÀ TM NAM LONG PHÁT – VIỆT NAM.
- Từ 04/2023: Thành viên HĐQT Công ty SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT



Bà: ĐỖ THỊ KIM ANH
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Trưởng Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác:

- 9/2005 – 12/2006 Kế toán Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Phú Quý.
- 01/2007 – 6/2009: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sản xuất Xây Phú Quý.
- 7/2009 – 8/2013 Kế toán tổng hợp, Ủy viện ban chấp hành công đoàn, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Thủy sản.
- 9/2013 – 8/2017: Phó trưởng phòng kế toán, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi Thủy sản.
- 9/2017 – 01/2020: Nhân viên Trung tâm xúc tiến Thương mại và đầu tư TP.HCM.
- 02/2020 đến 09/2022: Nhân viên phòng TCKT TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 03/2022 – nay: Phó Giám đốc TCKT TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- Từ 22/5/2020: Thành viên Ban kiểm soát Công ty SPC.
- Từ tháng 5/2025 Trưởng Ban kiểm soát Công ty SPC

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Bà: PHAN THÁI HẰNG
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác:

- 9/2002 – 6/2003 Kế toán Công ty TNHH Dược Phẩm Trung Nam.
- 07/2003 – 9/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH Dược Phẩm Trung Nam.
- 10/2017 – 6/2018 Ở nhà nội trợ.
- 7/2018 – 8/2018: Nhân viên kiểm toán nội bộ, Công ty SPC.
- 8/2018 – 07/2020: Nhân viên tiền lương Phòng NSHC Công ty SPC.
- 07/2020 – 08/2020: Thư ký Ban Giám đốc, Công ty SPC.
- 08/2020 – nay: Thư ký Công ty, Phụ trách quản trị Công ty.
- Từ 5/2025: Thành viên Ban kiểm soát, Công ty SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: TRẦN ĐÌNH VŨ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp, chứng chỉ kế toán trưởng.

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 100

Chức vụ đảm nhiệm: TV Ban kiểm soát SPC

Quá trình công tác:

- 07/2007 - 03/2009: Kế toán kho Công ty TNHH Khang Cát.
- 04/2009: Kế toán CTCP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn.
- 05/2009 - 08/2014: Kế toán trưởng SPC Lào.
- 09/2014 - 12/2014: Kế toán công nợ SPC.
- 01/2015 - 01/2016: Phụ trách kế toán Xí nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước.
- Thành viên Ban kiểm soát SPC từ ngày 09/11/2015.
- Từ 04/2023: Thành viên Ban kiểm soát Công ty SPC.
- Từ 27/01/2016- 04/2025: Trưởng Ban kiểm soát Công ty SPC.
- Từ 05/2025: Thành viên Ban kiểm soát Công ty SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông: ĐIỀU QUANG TRUNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.610

Chức vụ đảm nhiệm: Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 2000 - 2003: Kế toán Tổng hợp tại Công ty CP Thủy Tinh Gò Vấp.
- 2003 - 2004: Phó phòng Tư vấn & Triển Khai Công ty Diginet.
- 2004 - 2007: Kế toán Tổng hợp Công ty SPC.
- 2007 - 2008: Phó phòng Kế toán Công ty SPC.
- 2008 - 2009: Trưởng bộ phận Kế toán Công ty SPC.
- 2009 - 2011: Phụ trách phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 2011 - 04/2015: Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty SPC.
- Từ 04/2015 – 4/2025: Phó Giám đốc Công ty SPC.
- Từ 05/2025 - nay Giám đốc điều hành Công ty SPC.

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Bà: BÙI THỊ ÁNH TUYẾT
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 01/2000 - 06/2001: thư ký P. Kinh doanh Công ty TNHH Khải Nguyên.
- 07/2001 - 10/2001: NV tổng hợp sản xuất CTCP BVTV Sài Gòn.
- 11/2001 - 07/2004: NV kế toán phải thu Công ty SPC.
- 08/2004 - 06/2007: NV kế toán thanh toán Công ty SPC.
- 07/2007 - 06/2009: Kế toán trưởng Xi nghiệp BVTV Sài Gòn ở KCN Hiệp Phước.
- 07/2009 - 10/2011: Trưởng bộ phận kế toán Công ty SPC.
- 11/2011 - 05/2015: Phó phòng TCKT, Công ty SPC.
- 6/2015 - 8/2017: Kế toán trưởng Công ty SPC.
- 9/2017 - 5/2023: Kế toán trưởng đồng thời giữ vị trí TP. TCKT Công ty SPC.
- Từ 6/2023 - nay: Phó Giám đốc Công ty SPC

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Ông: VÕ THANH SANG
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế-

QTKD; Cử nhân kinh tế- Kinh tế Luật

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Phó Giám đốc SPC

Quá trình công tác:

- 08/2005 - 06/2012: nhân viên P. Tổ chức – Lao động tiền lương Công ty Dịch vụ Công ích TNXP.
- 07/2012 - 01/2014: NV Phòng Tổ chức – Lao động tiền lương Lực lượng TNXP Thành phố.
- 01/2014 - 12/2015: Phó Trưởng phòng Tổ chức – Lao động tiền lương Lực lượng TNXP Thành phố.
- 01/2016 - 02/2017: Phó Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy Lực lượng TNXP Thành phố.
- 03/2017 - 04/2021: Phó Giám đốc Nhân sự - Hành chính TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 04/2021 - 07/2021: Phó Giám đốc Hành chính -Quản trị TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 07/2021 - 5/2022: Phó Giám đốc Pháp chế TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 06/2022 - 02/2024: Phó Giám đốc Phòng Nghiên cứu phát triển TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- 03/2024 - 04/2025: Giám đốc Phòng Nghiên cứu phát triển TCT Nông nghiệp Sài Gòn.
- Từ 5/2025 - nay: Phó Giám đốc Công ty SPC

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam



Bà: PHÙNG THÁI PHƯƠNG TRANG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng

Cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ đảm nhiệm: Kế toán trưởng SPC

Quá trình công tác:

- 1998 – 2002: *Kế toán tổng hợp – Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn.*
- 07/2003 – 12/2008: *Nhân viên kế toán - Công ty Thuốc trừ sâu Sài Gòn.*
- 01/2009 – 07/2012: *Kế toán công nợ - Công ty SPC.*
- 08/08/2012 – 25/09/2012: *Phụ trách Ban kiểm toán nội bộ.*
- 26/09/2012 – 04/2015: *Kế toán tổng hợp - Công ty SPC.*
- 05/2015 – 05/2023: *Phó phòng TCKT - Công ty SPC.*
- Từ 06/2023 - nay: *Trưởng phòng TCKT, Công ty SPC.*

➤ **Quốc tịch:** Việt Nam

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: thời gian làm việc 07 giờ 30 phút /ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chính sách đào tạo

SPC xác định đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là nền tảng quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo tăng trưởng bền vững. Công ty luôn khuyến khích cán bộ công nhân viên chủ động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Các hoạt động đào tạo được triển khai đa dạng, bao gồm chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo tại chỗ và các khóa học bên ngoài phù hợp với định hướng phát triển của từng vị trí. Trong đó, đào tạo nội bộ và hình thức kèm cặp trực tiếp đóng vai trò quan trọng, giúp nhân sự nhanh chóng nâng cao năng lực thực tiễn và thích nghi với môi trường làm việc.

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai các chương trình đào tạo nội bộ cho đội ngũ nhân viên, tập trung nâng cao kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng và cập nhật kiến thức sản phẩm; đồng thời cử nhân sự đi học các lớp học về quản trị công ty, chính sách thuế, quản trị sản xuất theo hướng số hóa và ứng dụng AI.

Chính sách tiền lương, thưởng

SPC xây dựng chính sách tiền lương, thưởng và phụ cấp theo nguyên tắc công bằng, minh bạch và gắn với hiệu quả công việc, nhằm tạo động lực làm việc và tăng cường sự gắn bó của người lao động. Hệ thống đãi ngộ được thiết kế cạnh tranh so với thị trường lao động trong ngành bảo vệ thực vật, phù hợp với vị thế và quy mô hoạt động của Công ty. Thu nhập của nhân viên được xác định trên cơ sở giá trị công việc, năng lực, kết quả thực hiện nhiệm vụ và thâm niên cống hiến, đồng thời được quản lý thông qua hệ thống đánh giá và xếp hạng vị trí thống nhất toàn Công ty.

Công ty định kỳ rà soát mặt bằng thu nhập để đảm bảo tính cạnh tranh và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh. Trong năm 2025, SPC đã thực hiện chi trả tiền lương và các khoản thu nhập cho người lao động đạt 100% kế hoạch, qua đó khẳng định cam kết bảo đảm quyền lợi và thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên. Chính sách đãi ngộ bền vững góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, vui tươi, gắn bó, khuyến khích hiệu quả làm việc và hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

NHÂN SỰ

Đến ngày 31/12/2025, tổng số lao động của Công ty là 292 người với cơ cấu lao động như sau:

Yếu tố	
Số lượng nhân viên, công nhân	292 người
Theo trình độ chuyên môn	
Tiến sỹ	01 người
Cao học, Thạc sỹ	23 người
Đại học, Cao đẳng	131 người
Trung học chuyên nghiệp	13 người
Lao động phổ thông + LĐ có tay nghề	124 người



TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ SẢN PHẨM MỚI, KỸ NĂNG BÁN HÀNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG NỢ



TẬP THỂ LÃNH ĐẠO, NHÂN VIÊN SPC THAM DỰ HỘI THAO CỦA TỔNG CÔNG TY



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



1 Nguyên liệu, năng lượng

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:
 - Thuốc BVTV và phân bón: 3.154 tấn/năm
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - Điện sử dụng: 611.844 kwh/năm



2 Nguồn nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng sử dụng nước:
 - Nguồn cung cấp: CTCP KCN Hiệp Phước
 - Lượng nước sử dụng trung bình 8.899 m³/năm
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. Là một trong những doanh nghiệp sản xuất thuốc BVTV hàng đầu Việt Nam, SPC luôn cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.

“Những thành tựu mà chúng tôi đạt được mang lại những lợi ích thỏa đáng cho khách hàng của chúng tôi, các cổ đông của chúng tôi, những người lao động của chúng tôi, và cộng đồng ở những nơi chúng tôi sống và làm việc.”



01 Mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10



02 Khai trương Cửa hàng NN Sài Gòn

03 Giải đặc biệt quay số may mắn



04 Hội nghị tổng kết SXKD Năm 2025



05 Hội nghị tổng kết ngành Nông nghiệp



06 Đầu tư dàn máy sản xuất thuốc

07 Diễn tập PCCC



08 THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI CNGL



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Chi tiết cơ cấu cổ đông tính tới ngày 24/03/2026

Danh mục	TRONG NƯỚC		NƯỚC NGOÀI		TỔNG	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ
1. Cổ đông Nhà nước	6.247.020	59,33%	0	0%	6.247.020	59,33%
2. Cổ đông khác	3.329.250	31,61%	953.730	9,06%	4.282.980	40,67%
- Cá nhân	3.205.310	30,43%	953.730	9,06%	4.159.040	39,49%
- Tổ chức	123.940	1,18%	0	0%	123.940	1,18%
Tổng	9.576.270	90,94%	953.730	9,06%	10.530.000	100%

CỔ ĐÔNG LỚN SPC



937 tỷ

Doanh thu

Doanh thu năm 2025 đạt 100,02% kế hoạch năm tăng 8,5% so với cùng kỳ

21,59 tỷ

Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 15,60 tỷ đồng đạt 195,1% kế hoạch, cùng kỳ lỗ 48,19 tỷ đồng



TỈ SỐ TÀI CHÍNH

		2021	2022	2023	2024	2025
KHẢ NĂNG THANH TOÁN						
Thanh toán hiện thời	Tính thanh khoản, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn	1.55	1.49	1.33	1.22	1.32
Thanh toán nhanh	Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và thu tiền bán hàng	0.49	0.47	0.69	0.39	0.46
Thanh toán lãi vay	Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh để trả lãi vay ngân hàng	5.35	3.65	-1.91	-4.28	3.84
CHỈ TIÊU CƠ CẤU VỐN						
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Giá trị nợ ngắn hạn và dài hạn trong tổng nguồn vốn	60.0%	63.0%	68.0%	72.8%	66.5%
Nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	Tỉ trọng nợ ngắn hạn tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại SPC	58.0%	61.0%	66.0%	71.3%	65.0%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Đòn bẩy tài chính	1.53	1.70	2.10	2.68	1.98
Vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	Tỉ trọng vay nợ ngân hàng so với vốn chủ sở hữu	78.0%	82.0%	69.0%	101.1%	80.2%
CHỈ TIÊU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG						
Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	1 đồng giá trị tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu	1.79	1.93	1.78	1.76	2.17
Vòng quay hàng tồn kho	Hiệu quả luân chuyển hàng tồn kho trong năm	2.60	2.50	3.00	3.23	3.33
Vòng quay phải thu thuần kinh doanh	Công tác thu tiền bán hàng, tín dụng ưu đãi cho các đại lý	7.90	8.40	5.30	4.86	8.03
CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI						
Tỉ suất lợi nhuận gộp	Mức độ sinh lời và kiểm soát chi phí giá thành sản phẩm	20.4%	22.1%	15.1%	16.8%	19.6%
Tỉ suất lợi nhuận ròng	100 đồng doanh thu tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận	2.2%	2.0%	-3.2%	-5.6%	1.7%
ROE	Mức độ sinh lời so với vốn góp ban đầu của chủ sở hữu	22.8%	23.3%	-31.5%	-45.8%	14.8%
EPS	Thu nhập mỗi cổ phần, giá trị mang lại cho cổ đông	2,201	2,283	-3,180	-4,606	1,509



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG

TRONG NĂM 2025

1.1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh ngành thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu cực đoan, diễn biến phức tạp khó lường; mưa bão, lũ lụt, sạt lở đất xảy ra tại các tỉnh phía Bắc, miền Trung và Tây nguyên làm hư hại phần lớn diện tích canh tác cây trồng đã ảnh hưởng tiêu cực đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; trong khi giá nông sản giảm và lượng tồn kho tại hệ thống phân phối ở mức cao khiến nhu cầu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sụt giảm đáng kể, đặc biệt tại khu vực miền Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long.

Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt với sự tham gia của các tập đoàn đa quốc gia có tiềm lực mạnh, đồng thời xuất hiện ngày càng nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ với các sản phẩm tương đồng, chủ yếu cạnh tranh về giá và các chính sách khuyến mãi hấp dẫn, làm biên lợi nhuận của ngành tiếp tục bị thu hẹp và tạo áp lực lớn lên hệ thống phân phối. Trong năm, chi phí đầu vào duy trì ở mức cao do tác động của tỷ giá ngoại tệ, xung đột chính trị kéo dài, căng thẳng thương mại, gia tăng bảo hộ, chi phí logistics thiếu ổn định, làm gia tăng chi phí nhập khẩu nguyên liệu và hàng hóa, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh các yếu tố thị trường và chi phí, môi trường pháp lý cũng đặt ra nhiều yêu cầu khắt khe hơn khi Nhà nước tăng cường quản lý, kiểm soát lĩnh vực hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật, khiến thủ tục đăng ký sản phẩm phức tạp hơn, thời gian đưa sản phẩm mới ra thị trường kéo dài, làm giảm sự linh động trong hoạt động kinh doanh. Từ đầu năm 2025, chính sách thuế áp dụng đối với hộ kinh doanh đã tác động đáng kể đến tâm lý nhập hàng của các đại lý, làm giảm sức mua, gia tăng chi phí và ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ cũng như doanh thu của Công ty.



Ngoài ra, xu hướng chuyển dịch sang nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ và hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học tại một số địa phương đã từng bước làm giảm nhu cầu đối với các sản phẩm truyền thống. Trong bối cảnh đó, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn khách quan, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, kiểm soát chi phí, tái cấu trúc hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực nhằm duy trì sự ổn định tài chính và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và hiệu quả. Kết quả thực hiện năm 2025 phản ánh rõ những thách thức của thị trường cũng như áp lực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành hoạt động Công ty, đồng thời là cơ sở để Hội đồng quản trị xác định định hướng phát triển, ưu tiên hiệu quả, kiểm soát rủi ro và hướng tới tính bền vững trong các năm tiếp theo. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2025 như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất: thực hiện 937,04 tỷ đồng, đạt 100,02% kế hoạch năm, và bằng 108,5% so cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế: thực hiện lãi 21,59 tỷ đồng đạt 215,9% so với kế hoạch, so cùng kỳ lỗ 45,94 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế lãi 15,60 tỷ đồng đạt 195,1% kế hoạch, so cùng kỳ lỗ 48,19 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ lãi 15,89 tỷ đồng, so cùng kỳ lỗ 48,50 tỷ đồng.

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu thuần (hợp nhất)	936,807,495,000	937,037,733,055	100.02%
Lợi nhuận trước thuế	10,000,000,000	21,589,594,878	215.9%
Lợi nhuận sau thuế	8,000,000,000	15,604,993,101	195.1%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán

1.2. Các hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định, bảo đảm nguyên tắc thận trọng, công khai và minh bạch trong quản trị doanh nghiệp. Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp đột xuất khi cần thiết, đồng thời duy trì việc lấy ý kiến bằng văn bản và trao đổi thường xuyên nhằm kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm, Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; giám sát tình hình tài chính, quản lý và sử dụng vốn, hàng tồn kho, công nợ, khả năng thanh toán và các chỉ tiêu an toàn tài chính tại Công ty mẹ, các công ty con và đơn vị trực thuộc; giám sát công tác tổ chức, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, quản lý lao động và tiền lương; cũng như việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã xem xét, thông qua các tờ trình, đề xuất của Ban điều hành, đồng thời phối hợp cùng Ban điều hành phân tích, đánh giá nguyên nhân khó khăn, tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh để kịp thời đưa ra các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ Công ty vượt qua bối cảnh thị trường nhiều biến động. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị cũng phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro, bảo đảm hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật. Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các hoạt động theo chức trách nhiệm vụ, đóng góp nhiều ý kiến, kiến nghị nhiều giải pháp quan trọng cho hoạt động Công ty và thống nhất cao trong việc ban hành các nghị quyết, quyết định để Công ty thực hiện có

hiệu quả nhất, qua đó góp phần bảo đảm sự cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, cổ đông, người lao động và các bên liên quan, tạo nền tảng ổn định cho sự phát triển bền vững của Công ty trong các năm tiếp theo.

1.3. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 với kết quả như sau:

Kết quả kinh doanh báo cáo hợp nhất năm 2025: doanh thu thuần đạt 100,02% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế lãi 21,59 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế lãi 15,60 tỷ đồng, hoàn thành vượt kế hoạch được giao.

Kết quả kinh doanh báo cáo riêng năm 2025: doanh thu thuần đạt 89,02% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế lãi 7,45 tỷ đồng đạt 86,66% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế lãi 5,93 tỷ đồng đạt 86,18% kế hoạch, lãi so với cùng kỳ bị lỗ (45,42 tỷ).

Thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức, cơ cấu nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty.

Không thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả lương cho Phó Chủ tịch chuyên trách và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách (trả đến hết tháng 4/2025).

Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025: Đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm theo quy định về công đại chúng và kiểm toán báo cáo tài chính năm theo đề xuất của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông.



1.4. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành:

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Giám đốc, người điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng và các cuộc họp đột xuất khi cần thiết liên quan đến tình hình hoạt động và lợi ích Công ty. Nội dung giám sát như sau:

Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Giám sát hiệu quả hoạt động tại Công ty mẹ, các công ty con và các đơn vị trực thuộc.

Giám sát tình hình tài chính, công tác quản lý vốn, tài sản và các chỉ tiêu an toàn tài chính tại Công ty mẹ và các công ty con.

Giám sát tình hình đầu tư, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh.

Giám sát công tác quản lý lao động, tiền lương và việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nhân sự.

Giám sát công tác quản lý hàng tồn kho, xử lý hàng hóa chậm luân chuyển, quản lý nợ phải thu, nợ phải trả và khả năng thanh toán của Công ty.

Giám sát công tác chăm lo lợi ích vật chất và tinh thần cho người lao động.

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Trong năm, Ban Điều hành cơ bản đã thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định, kịp thời báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, bảo đảm công tác công bố thông tin đúng quy định, quản lý tài chính chặt chẽ nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh có hiệu quả và quan tâm chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

1.5. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

a) Về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên:

Trong năm 2025 không phát sinh.

SPC có khoản nợ vay ngắn hạn 54.000.000 đồng với Giám đốc điều hành công ty là ông Nguyễn Quốc Dũng (không bỏ nhiệm lại do hết hạn nhiệm kỳ Giám đốc điều hành kể từ ngày 25/04/2025), phát sinh từ trước năm 2015. SPC đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho ông Nguyễn Quốc Dũng ngày 09/05/2025.

Về giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đến tháng 12/2025)
1	Nguyễn Quốc Dũng	Người nội bộ			2025		Trả tiền gốc vay ngắn hạn: 54,000,000 đồng Trả lãi sau khi tắt toàn vay ngắn hạn, số tiền: 1,384,767 đồng.
2	Tổng công ty Nông Nghiệp Sài Gòn	Công ty mẹ	0300636205 15/11/2006 Số KHĐT TPHCM	189 Điện Biên Phủ, Phường Gia Định, TPHCM	2025		Từ tháng 01 đến tháng 12/2025, SPC không phát sinh giao dịch.
3	Công ty TNHH BVTV Sài Gòn – Lào	Công ty con	0045/CHTHV 05/02/2016	Km 21, Huyện Bachieng, Tỉnh Champasak, Lào	2025		Giá trị SPC bán hàng: 20,597,332,722đồng (bao gồm các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật...)
4	Công ty TNHH BVTV Sài Gòn - Cambodia	Công ty con	Co.5561E/2009 05/01/2009 Bộ Thương Mại Cambodia	#225, St. Vithyalay, Kh. Russey keo, Phnom Penh, Cambodia	2025		Giá trị SPC bán hàng: 61,007,744,707 đồng (bao gồm các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật...) Doanh thu hoạt động tài chính: 3,676,559,992 đồng.
5	CTCP Thương mại Mộc Hoá	Công ty con Ông Điều Quang Trung – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa. Ông Điều Quang Trung không sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	1100496986 30/11/2018 Số KHĐT tỉnh Long An	72 Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Thị Xã Kiến Tường, Tây Ninh.	2025		Giá trị SPC mua hàng: 6,146,113,000đồng (bao gồm các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật...) Giá trị SPC bán hàng: 41,974,183 đồng. (bao gồm các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật...) Doanh thu hàng bán bị trả lại: 1,625,014,036 đồng. Doanh thu tài chính: 394,272,000 đồng (cổ tức năm 2024 từ MJC chuyển về SPC) Chi phí bán hàng:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (đến tháng 12/2025)
							2,600,000 đồng Chi phí quản lý DN: 1,535,088 đồng
6	Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát	TV HĐQT Huỳnh Chí Quyền – Con trai ông Huỳnh Đức là Chủ tịch, kiêm Giám đốc Công ty Nam Long Phát	110079874 02/07/2001 Số KHĐT Long An	Km 1929 Quốc lộ 1A, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh	2025	05/NQ-BVTVSG-HĐQT Ngày 24/04/2024	Giá trị SPC mua hàng: 10,559,494,030 đồng (bao gồm các sản phẩm thùng giấy, chai thuốc, nhãn mác...)
7	Công ty TNHH TM Nông Phú	TV HĐQT độc lập Võ Văn Nghị - Giám đốc Công ty Nông Phú	0302854618 14/02/2003 Số KHĐT TP.HCM	89/4K Tân Thới Nhì 2, Ấp 56, Xã Xuân Thới Sơn, TP. Hồ Chí Minh	2025	05/NQ-BVTVSG-HĐQT Ngày 24/04/2024	Giá trị SPC bán hàng: 956,440,985 đồng (bao gồm các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật...) Chi phí bán hàng: 17,867,933 đồng Chi phí tài chính: 27,798,413đồng

1.6. Nhận xét đánh giá:

Nhìn chung, trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ, bảo đảm nguyên tắc thận trọng, công khai và minh bạch trong quản trị. Hội đồng quản trị duy trì hoạt động thường xuyên thông qua các cuộc họp định kỳ, họp đột xuất và lấy ý kiến bằng văn bản nhằm kịp thời xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác giám sát được thực hiện chặt chẽ đối với việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, quản lý vốn, hàng tồn kho, công nợ, hàng chậm luân chuyển, phát triển thị trường, chiến lược sản phẩm, quảng bá tiếp thị, tổ chức bộ máy và công tác nhân sự tại Công ty mẹ và các công ty con. Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét, thông qua các chủ trương, nghị quyết quan trọng, đồng thời phối hợp hiệu quả với Ban Điều hành và Ban Kiểm soát để tháo gỡ khó khăn, kiểm soát rủi ro và đảm bảo tuân thủ pháp luật. Công tác công bố thông tin và quản lý các giao dịch với bên liên quan được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Nhìn chung, hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 đã góp phần quan trọng vào việc duy trì ổn định tài chính, hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả, nâng cao hiệu quả quản trị và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty trong các năm tiếp theo.



2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

2.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn (Công ty) có 05 thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) là ông Võ Anh Tùng, ông Tống Xuân Phú, Ông Điều Quang Trung (tháng 4/2025), ông Nguyễn Quốc Dũng (miễn nhiệm tháng 4/2025), ông Võ Văn Nghị (thành viên độc lập HDQT), ông Huỳnh Chí Quyền.

Công ty đã tuân thủ điều kiện và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.2 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị tổ chức 12 cuộc họp bao gồm họp tập trung và lấy ý kiến thành viên bằng văn bản. Các cuộc họp của HDQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu chu đáo và gửi đến từng thành viên Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của Điều lệ Công ty, Quy chế về quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Nội dung các cuộc họp bao quát đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các nội dung được các thành viên HDQT thảo luận, phân biện, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Biên bản họp được lập và ký tên theo đúng Điều lệ Công ty và được lưu tại trụ sở Công ty.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý, mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ, phát triển nhân lực, ... cần xử lý thường xuyên theo thẩm quyền, Hội đồng quản trị đã lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét, chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Các thay đổi về kế hoạch, chiến lược mới đều được nghiên cứu độc lập, tiếp cận thực tế và có phân biện trong HDQT và với Ban Giám đốc.

Các quyết định của HDQT tại các cuộc họp đều được HDQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có đầy đủ chữ ký theo quy định.

2.3 Các quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm HDQT đã ban hành 19 Nghị quyết, 03 Quyết định, 07 thông báo theo thẩm quyền.

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

Các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị được công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



2.4 Về việc giám sát hoạt động Ban Giám Đốc

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt việc giám sát các hoạt động của Ban điều hành.

Thành viên HDQT giữ các chức danh Giám đốc cùng các thành viên khác trong Ban Giám đốc đã thường xuyên tham các cuộc họp định kỳ và bất thường của HDQT. Các hoạt động của các thành viên này luôn được báo cáo kịp thời để các hoạt động luôn thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Ban điều hành chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các phương hướng cùng các giải pháp thực hiện tối ưu để đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

2.5 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của các đơn vị trong Công ty.

Các thành viên HDQT thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế HDQT. Bên cạnh đó, HDQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ Ban Giám đốc nhận diện sớm các vấn đề và giúp Công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư.

2.6 Kết quả giám sát đối với các báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật.

- Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, tuân thủ thời gian kiểm toán, đảm bảo tính độc lập, tuân thủ các quy định.

2.7 Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan

Công ty đã tuân thủ quy định về người có liên quan và các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan. Các giao dịch này đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2.8 Kết luận

Hội đồng quản trị đã hoạt động tuân thủ quy định pháp luật và với tinh thần trách nhiệm cao để đưa ra các Nghị quyết và Quyết định kịp thời, định hướng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng các Nghị Quyết của ĐHCĐ, Điều lệ, Quy chế Công ty và quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ và tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ, nghiêm túc tiếp thu và điều chỉnh các thiếu sót/tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát.

Năm 2025 HDQT đã đưa ra định hướng, lãnh đạo Công ty thực hiện tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, tăng thu nhập cho người lao động, cùng Ban Giám đốc triển khai các hoạt động văn hoá bền vững của doanh nghiệp. Hội đồng quản trị cũng tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị.



Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025

STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung	Thông qua
1	01/NQ-BVTVSG-HDQT	05/03/2025	Thông nhất việc chốt danh sách tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.	100%
2	04/NQ-BVTVSG-HDQT	17/03/2025	Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.	100%
3	05/NQ-BVTVSG-HDQT	17/03/2025	Thông qua hợp đồng vay vốn, sử dụng tài sản đảm bảo tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam - CN.TP.HCM.	100%
4	06/NQ-BVTVSG-HDQT	21/03/2025	Thông nhất việc phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật "Máy nghiền SC công nghiệp".	100%
5	07/NQ-BVTVSG-HDQT	04/04/2025	Thông nhất thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025.	100%
6	10/NQ-BVTVSG-HDQT	10/04/2025	Thông nhất thông qua nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của MJC.	100%
7	11/NQ-BVTVSG-HDQT	10/04/2025	Thông nhất thông qua nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của SPC.	100%
8	12/NQ-BVTVSG-HDQT	14/04/2025	Bổ nhiệm ông Điều quang Trung làm Giám đốc Công ty thay ông Nguyễn Quốc Dũng hết hạn nhiệm kỳ Giám đốc Công ty.	100%
9	16/NQ-BVTVSG-HDQT	29/04/2025	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật Công ty.	100%
10	18/NQ-BVTVSG-HDQT	05/05/2025	Thông nhất nhân sự giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.	100%
11	19/NQ-BVTVSG-HDQT	18/06/2025	Thông qua tiền lương nhân sự quản lý Công ty.	100%
12	20/NQ-BVTVSG-HDQT	18/06/2025	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.	100%
13	21/NQ-BVTVSG-HDQT	18/06/2025	Phê duyệt thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán BCTC trong năm 2025.	100%
14	25/NQ-BVTVSG-HDQT	11/08/2025	Thông qua hợp đồng giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan.	100%
15	31/NQ-HDQT	03/10/2025	Về việc thông qua chủ trương thanh lý tài sản và bổ sung ngành nghề kinh doanh bất động sản tại MJC.	100%
16	32/NQ-HDQT	03/10/2025	Thông qua hợp đồng giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan MJC.	100%



STT	Số Nghị Quyết	Ngày	Nội dung	Thông qua
17	35/NQ-HĐQT	15/10/2025	Thông qua đề nghị cấp hạn mức tín dụng tại Vietcombank- CN Sài Gòn.	100%
18	36/NQ-HĐQT	15/10/2025	Thông qua phương án, sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự và hoạt động của SPC.	100%
19	38/NQ-HĐQT	17/12/2025	Về việc xin thay thế tài sản thế chấp tại Vietcombank- CN Sài Gòn.	100%



BẢO VỆ MÙA VỤ AN TÂM SẢN XUẤT

Bộ sản phẩm quản lý cỏ dại cho ruộng lúa



**Chất lượng tạo nên
Thương hiệu vững bền !**
Quality makes sustainable brand !



Cam kết cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng
thỏa mãn ước vọng vì một nền nông nghiệp xanh và bền vững.
To provide quality products and services which fulfill aspiration
for the sustainable and green agriculture.

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

3.1. Mục tiêu chủ yếu năm 2026

a) Theo báo cáo hợp nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ năm 2026/2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	950,753,243,467	922,140,000,000	97.0%
Lợi nhuận trước thuế	21,589,594,878	16,450,000,000	76.2%
Lợi nhuận sau thuế	15,604,993,101	13,451,048,000	86.2%
Lợi nhuận ST Công ty mẹ	15,887,084,849	13,252,096,000	83.4%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Không chia cổ tức	LN bù đắp lỗ lũy kế	

b) Theo báo cáo riêng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ năm 2026/2025
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	460,893,917,949	506,000,000,000	109.8%
Lợi nhuận trước thuế	7,452,795,015	8,600,000,000	115.4%
Lợi nhuận sau thuế	5,928,880,888	6,880,000,000	116.0%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Không chia cổ tức	LN bù đắp lỗ lũy kế	

3.2. Giải pháp thực hiện

a. Về công tác tổ chức bộ máy – quản trị:

Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô và năng lực hoạt động thực tế của SPC;



rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy trình quản lý nội bộ nhằm nâng cao tính minh bạch, kỷ cương và hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị và điều hành. Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong quản trị tài chính, đầu tư, nhân sự và quản lý rủi ro. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị trong SPC phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, phát huy truyền thống đoàn kết, chung sức đồng lòng trong tổ chức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SPC, tổ chức tốt các

hoạt động chăm lo đời sống người lao động, Hội nghị người lao động, Hội nghị tổng kết năm, các hoạt động kỷ niệm và phong trào thi đua, tạo sự đồng thuận cao và ổn định nội bộ.

Tiếp tục thực hiện nghiêm các giải pháp tiết kiệm chi phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm hạ giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh về giá bán và hiệu quả kinh doanh. Đảm bảo sản phẩm đưa ra thị trường có chất lượng ổn định, giá bán cạnh tranh và có hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chi phí tất cả các khâu từ mua hàng, sản xuất, lưu thông, phân phối sản phẩm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Thường xuyên tổ chức phân tích, đánh giá cấu trúc giá thành sản phẩm trên cơ sở khuyến nghị của đơn vị kiểm toán, kịp thời nhận diện các yếu tố làm gia tăng chi phí, giá thành để xây dựng và triển khai các giải pháp khắc phục, điều chỉnh phù hợp; tăng cường kiểm soát và quản trị chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý, chi phí sản xuất, chi phí liên quan đến hàng lỗi kỹ thuật, hao hụt, tồn kho và hàng trả về, nhằm giảm giá thành sản phẩm qua đó đảm bảo sản phẩm đưa ra thị trường có chất lượng ổn định, giá bán cạnh tranh và hiệu quả bền vững.

Ứng dụng công nghệ số trong quản lý điều hành, công tác chuyên môn nghiệp vụ, bán hàng, diễn biến tình hình thị trường, kiểm soát tồn kho, công nợ, đại lý, khách hàng, báo cáo nhanh để tăng tính kịp thời và chính xác.

b. Về thị trường, sản phẩm: Tái cấu trúc kênh phân phối theo hướng mở rộng có chọn lọc, gắn chặt hiệu quả kinh doanh với quản trị rủi ro và năng lực tiêu thụ thực tế của từng khu vực. Thực hiện phân loại đại lý theo quy mô, năng lực tài chính, khả năng bán hàng và mức độ tuân thủ chính sách; qua đó xây dựng chính sách bán hàng, chiết khấu, công nợ và hỗ trợ kỹ thuật phù hợp cho từng nhóm đại lý, hạn chế dàn trải và giảm rủi ro phát sinh. Tập trung đẩy mạnh công

tác phát triển thị trường, tăng cường phát triển hệ thống phân phối, đặc biệt là thị trường Campuchia, Lào. Đẩy mạnh công tác truyền thông qua các mạng xã hội trong công tác tiếp thị, xây dựng và quảng bá thương hiệu, tiếp thị theo hướng số hóa và hiệu quả, kết hợp giữa các chương trình hỗ trợ bán hàng truyền thống với việc ứng dụng các kênh truyền thông số, bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử nhằm nâng cao độ phủ thương hiệu và khả năng tiếp cận đa dạng hóa khách hàng tiềm năng nhằm ổn định và phát triển thị phần.

Xây dựng bộ sản phẩm trọng tâm cho từng vùng miền, loại cây trồng và mùa vụ, trên nguyên tắc ưu tiên các sản phẩm đang được thị trường chấp nhận, có biên lợi nhuận tốt, vòng quay nhanh và phù hợp với xu hướng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn, thân thiện môi trường. Các sản phẩm tiêu thụ chậm hoặc biên lợi nhuận thấp sẽ được rà soát, điều chỉnh chính sách hoặc thu hẹp phạm vi kinh doanh nhằm tập trung nguồn lực cho các sản phẩm chủ lực. Đồng thời, tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ sản xuất, lưu kho đến phân phối, đảm bảo hàng hóa đến tay khách hàng đúng tiêu chuẩn chất lượng, ổn định và phù hợp với các quy định hiện hành.

Tăng cường gắn kết với hệ thống phân phối thông qua các chương trình khuyến mãi, hội nghị khách hàng, hội thảo kỹ thuật và các hoạt động đồng hành cùng đại lý, qua đó nâng cao năng lực



bán hàng, đảm bảo kiểm soát chất lượng sản phẩm và chính sách giá thống nhất trên toàn hệ thống tạo sự cạnh tranh lành mạnh và gắn bó lâu dài của đại lý, khách hàng.

c. Về quản trị rủi ro: Tiếp tục tăng cường công tác thu hồi nợ, xây dựng và điều chỉnh đồng bộ các chính sách bán hàng, thu nợ, lương, thưởng phạt hợp lý hướng gắn trách nhiệm với kết quả thực hiện, nhằm thúc đẩy doanh số và hạn chế phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu. Rà soát, đánh giá lại hệ thống phân phối, phân loại các đại lý theo năng lực tài chính và kết quả kinh doanh để kịp thời điều chỉnh chính sách bán hàng, công nợ và hỗ trợ phù hợp đối với từng nhóm đại lý.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý khách hàng và công nợ; theo dõi, cập nhật thường xuyên tình hình tài chính của khách hàng; thực hiện thường xuyên công tác đối chiếu nợ với khách hàng, tăng cường đôn đốc, thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn và thực hiện các biện pháp cần thiết đối với các khoản nợ khó đòi để nhanh chóng thu hồi.

Tổ chức quản lý chặt chẽ hàng hóa tồn kho, rà soát bổ sung các quy định liên quan để nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý hàng tồn kho; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và đối chiếu thường xuyên hàng hóa tồn kho, kịp thời phát hiện và nhanh chóng xử lý tránh để ứ đọng, giảm chất lượng, mất mát, thiếu hụt hàng hóa. Tập trung xử lý dứt điểm các mặt hàng tồn kho quá hạn sử dụng, hạn chế tối đa tình trạng hàng hóa hư hỏng, kém mất phẩm chất, qua đó bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của Công ty.

Định kỳ phân tích, đánh giá tình hình hàng tồn kho, hàng tồn kho chậm luân chuyển, hàng hóa ứ đọng, cận hạn, quá hạn sử dụng, phân tích đánh giá nguyên nhân, xác định trách nhiệm và đề xuất giải pháp xử lý liên quan từng loại hàng

hóa tồn kho. Triển khai đồng bộ các giải pháp cụ thể như điều chỉnh chính sách giá, áp dụng chương trình chiết khấu, khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng theo từng khu vực, từng sản phẩm,... nhằm đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ, giảm tồn kho và hạn chế rủi ro phát sinh suy giảm chất lượng hàng hóa.

d. Về quản trị nguồn nhân lực: Tiếp tục tập trung nâng cao năng lực đội ngũ kinh doanh – tiếp thị, đội ngũ nghiên cứu phát triển sản phẩm, phân tích thị trường và công tác dự báo mùa vụ nhằm đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và định hướng phát triển bền vững bằng các chính sách thu hút, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, ưu tiên đối với cán bộ, nhân viên có năng lực chuyên môn, kỹ năng phù hợp và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty. Song song đó, Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp lại lao động trong toàn hệ thống theo từng vị trí chức danh tại các phòng, ban, xí nghiệp và chi nhánh, đảm bảo phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng lao động. Nhân sự khối trực tiếp kinh doanh và sản xuất được bố trí gắn với chỉ tiêu doanh số, sản lượng hoặc định mức công việc cụ thể; vị trí khối gián tiếp áp dụng cơ chế tiền lương gắn với kết quả kinh doanh. Công tác tuyển dụng mới được kiểm soát chặt chẽ, chỉ thực hiện khi không thể bổ trí, điều chuyển nội bộ, bảo đảm định biên lao động gắn với hiệu quả công việc và mục tiêu kiểm soát chi phí của Công ty.



d. Về nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, các sản phẩm có nguồn gốc sinh

học, thân thiện với môi trường nhằm tạo sự khác biệt so với các sản phẩm truyền thống trên thị trường và phù hợp với xu hướng canh tác bền vững. Đồng thời, chủ động triển khai công tác đăng ký và phát triển các sản phẩm mới thay thế các sản phẩm kém kinh doanh theo quy định của cơ quan quản lý.



Tăng cường tìm kiếm, mở rộng hợp tác với các tập đoàn, doanh nghiệp đa quốc gia để nhận nhượng quyền, ủy quyền phân phối các sản phẩm bảo vệ thực vật tiên tiến, có tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và tập quán canh tác tại Việt Nam. Phối hợp chặt chẽ với các Chi cục Bảo vệ thực vật tại địa phương để triển khai các mô hình khảo nghiệm trên diện rộng, qua đó đánh giá, chứng minh hiệu quả sử dụng, tính an toàn sinh

học và khả năng gia tăng năng suất cây trồng của các dòng sản phẩm.

Triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá tập trung vào giá trị “nông nghiệp bền vững”, góp phần nâng cao uy tín thương hiệu, củng cố niềm tin của hệ thống phân phối và người sử dụng đối với sản phẩm của Công ty.

e. Về công tác đầu tư: Đầu tư có chọn lọc vào máy móc, thiết bị sản xuất hiện đại nhằm thay thế thiết bị cũ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Việc đầu tư được thực hiện theo lộ trình phù hợp với nhu cầu thị trường, khả năng thực hiện và yêu cầu cấp thiết, ưu tiên các hạng mục trực tiếp giúp giảm giá thành và tăng năng lực cạnh tranh. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ hiệu quả đầu tư và cân đối nguồn vốn để đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty.

g. Về công tác dự báo – kế hoạch: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác dự báo dịch hại, dịch bệnh theo mùa vụ và cây trồng để chủ động trong việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án sản xuất kinh doanh; đảm bảo chuẩn bị đầy đủ nguồn nguyên liệu, hàng hóa dự trữ, cung ứng kịp thời, ổn định cho thị trường, hạn chế thiếu hàng, lỡ mùa vụ; Tăng cường dự báo thị trường, giá cả nguyên vật liệu đầu vào để xây dựng chính sách mua, dự trữ hợp lý, kiểm soát tồn kho, sử dụng hiệu quả nguồn vốn. Định kỳ tổ chức đánh giá, phân tích tình hình thực hiện các chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh để kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đề ra các giải pháp khắc phục hạn chế thấp nhất các thiệt hại phát sinh.



SINCE 1989



CÓ AKKA - SÂU RẦY TRÁNH XA !

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1.1. Đặc điểm tình hình chung:



Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh ngành thuốc bảo vệ thực vật tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Tình hình thiên tai và biến đổi khí hậu cực đoan, diễn biến phức tạp khó lường; mưa bão, lũ lụt, sạt lở đất xảy ra tại các tỉnh phía Bắc, miền Trung và Tây nguyên làm hư hại phần lớn diện tích canh tác cây trồng đã ảnh hưởng tiêu cực đến lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, đặc biệt từ các doanh nghiệp quy mô nhỏ với các dòng sản phẩm giá thấp, tạo áp lực lớn về giá bán và thị phần. Xu hướng chuyển dịch sang nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ ngày càng rõ nét, làm giảm dần nhu cầu đối với một số dòng sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật hóa học truyền thống.

Những thay đổi trong chính sách thuế và quản lý thương mại đã tác động đến hành vi mua hàng của khách hàng và phương thức kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành. Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu vật tư nông nghiệp sang thị trường Lào và Campuchia gặp khó khăn do các quy định liên quan đến hình thức thương mại và xuất xứ vốn đầu tư, làm giảm doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sang thị trường này.

Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ thị trường và các yếu tố khách quan, Ban Lãnh đạo và tập thể người lao động Công ty đã nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành nhằm hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2025. Công ty tập trung ổn định thị phần, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động thông qua việc bổ sung, linh hoạt áp dụng các chính sách chiết khấu, khuyến mãi và các chương trình hỗ trợ bán hàng phù hợp với thị trường. Nhờ đó, hiệu quả kinh doanh trong năm 2025 đã được cải thiện rõ rệt, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh có lãi so với năm 2024 bị lỗ, tạo niềm tin, nền tảng cho sự phát triển của Công ty trong các năm .



1.2. Kết quả hoạt động SXKD năm 2025:

a) Chỉ tiêu tài chính

❖ Báo cáo hợp nhất năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	NĂM 2024	Năm 2025		Tỷ lệ	
				KH 2025	TH2025	%	%
						TH/KH	2025/2024
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	367,002,698	405,000,000	355,507,480	87.8%	96.9%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	4,633	5,400	4,740	87.8%	102.3%
3	Tổng doanh thu	1.000đ	880,120,197	947,807,495	951,803,263	100.4%	108.1%
	<i>Doanh thu thuần SXKD</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>863,686,431</i>	<i>936,807,495</i>	<i>937,037,733</i>	100.02%	108.5%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>11,350,040</i>	<i>10,000,000</i>	<i>10,449,078</i>	104.5%	92.1%
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>5,083,726</i>	<i>1,000,000</i>	<i>4,316,452</i>	431.6%	84.9%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-45,942,452	10,000,000	21,589,595	215.9%	
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	-48,188,127	8,000,000	15,604,993	195.1%	
	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	1.000 đ	-48,499,527	7,900,000	15,887,085	201.1%	
6	Vốn điều lệ	1.000 đ	105,300,000	105,300,000	105,300,000	100.0%	
7	Tỷ suất LNST/VĐL	%	-45%	7.6%	14.8%	195.1%	
8	Nộp ngân sách	1.000đ	23,631,759	25,000,000	23,357,328	93.4%	98.8%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán)

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là 951,80 tỷ đồng (bao gồm doanh thu thuần từ sản xuất kinh doanh là 937,04 tỷ đồng, doanh thu tài chính là 10,45 tỷ đồng và thu nhập khác là 4,32 tỷ đồng), đạt 100,4% kế hoạch năm, tăng so với cùng kỳ (TH2024: 880,12 tỷ đồng). So với cùng kỳ năm 2024 doanh thu thuần SXKD tăng 8,5 % và đạt 100,02% kế hoạch đề ra.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 21,59 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần kế hoạch năm 2025 (215,9%) tăng mạnh so với năm 2024 (lỗ 45,94 tỷ). Lợi nhuận sau thuế 15,60 tỷ đồng đạt 195,1% kế hoạch, cùng kỳ lỗ 48,19 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 15,89 tỷ đồng đạt 201,2% kế hoạch.
- Giá trị sản xuất thực hiện 355,51 tỷ đồng, đạt 87,8% kế hoạch năm (KH năm 405 tỷ đồng), giảm 3,1% so cùng kỳ (TH2024: 367 tỷ đồng) cho thấy giá trị sản xuất chưa đạt mục tiêu kế hoạch.
- Sản lượng sản xuất thực hiện 4.740 tấn, đạt 87,8% kế hoạch năm (KH năm là 5.400 tấn), tăng 2,30% so cùng kỳ (TH2024: 4.633 tấn).

❖ Báo cáo riêng năm 2025:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	NĂM 2024	Năm 2025		Tỷ lệ	
				KH 2025	TH2025	%	%
						TH/KH	2025/2024
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	367,002,698	405,000,000	355,507,480	87.8%	96.9%
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	4,633	5,400	4,740	87.8%	102.3%
3	Tổng doanh thu	1.000đ	506,398,574	530,735,337	465,677,133	87.7%	92.0%
	<i>Doanh thu thuần SXKD</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>487,289,435</i>	<i>504,935,337</i>	<i>449,485,619</i>	89.0%	92.2%
	<i>Doanh thu tài chính</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>15,489,636</i>	<i>25,000,000</i>	<i>13,264,877</i>	53.1%	85.6%
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>1.000 đ</i>	<i>3,619,503</i>	<i>800,000</i>	<i>2,926,637</i>	365.8%	80.9%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-46,455,308	8,600,000	7,452,795	86.7%	
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	-45,420,814	6,880,000	5,928,881	86.2%	
7	Vốn điều lệ	1.000 đ	105,300,000	105,300,000	105,300,000		
8	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	-43%	6.5%	5.6%	86.2%	
9	Nộp ngân sách	1.000đ	16,200,000	16,000,000	13,044,589	81.5%	80.5%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán)

- Tổng doanh thu năm 2025 đạt 465,68 tỷ đồng, bằng 87,7% kế hoạch năm 2025 và bằng 92% so với năm 2024. Doanh thu thuần đạt 449,49 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch và bằng 92,2% so với thực hiện năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế là 7,45 tỷ đạt 86,7% kế hoạch và tăng mạnh so với thực hiện năm 2024 (thực hiện lỗ 46,46 tỷ). Lợi nhuận sau thuế 5,93 tỷ đạt 86,2% và tăng mạnh so với thực hiện năm 2024 (lỗ 45,42 tỷ).

b) Nhận xét, đánh giá:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 có lợi nhuận nhưng chưa đạt kế hoạch là do:

➤ Nguyên nhân khách quan

- Doanh thu và lợi nhuận gộp không đạt một phần do điều kiện kinh doanh trong nước kém thuận lợi, đặc biệt là mưa bão, lũ lụt làm ảnh hưởng đến diện tích gieo trồng. Các thay đổi trong chính sách thuế đã tác động đến hành vi mua hàng của khách hàng. Ngoài ra, doanh thu xuất khẩu của công ty mẹ sang công ty con tại Lào và Campuchia giảm, do công ty mẹ có vốn đầu tư nước ngoài nên không được thực hiện tạm nhập tái xuất hoặc bán theo hợp đồng chuyển khẩu một số sản phẩm của Công ty mẹ sang Campuchia và Lào làm ảnh hưởng đến doanh số, lợi nhuận công ty mẹ.

➤ Nguyên nhân chủ quan

- Công tác dự báo dịch hại, mùa vụ và thị trường chưa thật sự đáp ứng được thực tế dẫn đến việc Công ty bị động trong công tác chuẩn bị nguồn vật tư, nguyên liệu, hàng hóa cung cấp cho thị trường. Công tác xây dựng kế hoạch chỉ đáp ứng được khoảng 65% thực tế tiêu thụ khiến việc chuẩn bị hàng hóa chậm nhịp so với nhu cầu thị trường, từ đó dẫn đến việc hàng hóa không đủ cung làm giảm cơ hội bán hàng.

- Trong năm, giá nguyên liệu đầu vào, giá cước vận chuyển quốc tế liên tục biến động. Các doanh nghiệp cùng ngành áp dụng chính sách giá linh hoạt nhằm duy trì thị phần, tạo áp lực lớn lên giá bán. Lượng hàng tồn kho có giá vốn cao phát sinh từ các kỳ trước, cả tại Công ty và hệ thống đại lý, vẫn còn lớn, ảnh hưởng đến tốc độ tiêu thụ và công tác thu hồi công nợ. Trước thực tế đó, Công ty đã phải tập trung xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển, thực hiện các biện pháp điều chỉnh cơ cấu sản phẩm và trích lập dự phòng hàng tồn kho theo quy định, nhằm phản ánh đúng giá trị tài sản và từng bước cải thiện hiệu quả hoạt động.

- Công tác quản lý chi phí, giá thành và giá bán vẫn còn một số hạn chế. Một số mặt hàng tuy có lợi nhuận gộp, nhưng do áp lực cạnh tranh và việc áp dụng các chính sách chiết khấu, khuyến mãi, điều chỉnh giá bán, khiến cho hiệu quả sản phẩm không có.

- Công tác đầu tư máy móc thiết bị mới có năng suất và chất lượng sản phẩm cao tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành dẫn đến tính cạnh tranh của sản phẩm chưa được cao.



1.3. Về tiến độ thực hiện các dự án đầu tư:

Dự án đầu tư tại Lào: công ty đã triển khai gần như đã hoàn tất việc thanh lý dự án theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành Phố và Tổng Công ty, riêng chỉ còn lại duy nhất dự án KM21 Công ty giữ lại làm trụ sở Văn phòng giao dịch và kho bãi để kinh doanh thuốc BVTV cho công ty SPC Lào. Đã đầu tư mới Hệ thống máy nghiền SC tại Xí nghiệp Bảo vệ thực vật Sài Gòn, trị giá 2.462 triệu đồng, phục vụ cho việc sản xuất, phối trộn thuốc BVTV dạng SC.

1.4. Về nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới:

Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới luôn được công ty đặc biệt quan tâm và đó là một trong những nhiệm vụ được SPC ưu tiên hàng đầu. Trong năm 2025 Công ty đã được Cục BVTV công nhận 01 sản phẩm thuốc trừ bệnh mới Sagoflu Pro 687.5SC

Ngoài ra, hiện đang có 05 hồ sơ đăng ký thuốc BVTV mới đang trong quá trình thực hiện đăng ký sản phẩm gồm: 05 sản phẩm thuốc BVTV Sagopyrac Pro 45EC, Zicofast 23.5SL, Fosfield 726SL, Fafix Bio 150SL, Phytostop 50WG và 03 sản phẩm phân bón lá hữu cơ sinh học SPC Amino Cal, SPC Amino Kali, SPC-NPK 5-11-3. Các hồ sơ này đang trong quá trình thúc đẩy tiến độ theo đúng quy trình đăng ký sản phẩm của Cục BVTV



Để mở rộng phát triển kinh doanh, theo chiến lược Sản phẩm - Cây trồng, SPC đã đăng ký bổ sung mở rộng phạm vi sử dụng thêm đối tượng dịch hại/ cây trồng một số sản phẩm như Sagoperfect 320 SC/ thân thư/ điều, tiêu, ri sất/ hoa cúc; Saipora Super 350SC/ đóm nâu/ thanh long, lem lép hạt/ lúa, thân thư/ xoài; Kingspider 93 SC/ nhện đỏ/ chè, dưa chuột; Sagofort 10 GR/ tuyến trùng/ cà phê

Bên lĩnh vực côn trùng trong gia dụng, 03 sản phẩm Sagomoi 360SC và Wicare - lăng quăng 10SG, Roninda 100SL đang trong quá trình chuẩn bị được cấp quyết định lưu hành.

Đồng thời với việc tập trung làm mới bộ sản phẩm lưu hành tại Việt Nam, công tác tinh gọn bộ sản phẩm đăng ký ở nước ngoài đang được chú trọng, chọn lọc lại bộ sản phẩm để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

Về bộ sản phẩm hiện có, công ty đã rà soát xem xét lựa chọn để phân loại, sản phẩm mới ra, sản phẩm chủ lực, sản phẩm tiềm năng phát triển, sản phẩm cạnh tranh phổ thông (hàng chợ), sản phẩm diện hẹp, sản phẩm có lợi nhuận cao và sản phẩm không có lợi nhuận.

1.5. Về công tác vận hành nội bộ:

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, Công ty đã thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Cụ thể về bộ máy tổ chức; nhân sự Công ty đã tiến hành cắt giảm từ 8 phòng/ban xuống còn 6 phòng/ban, giảm từ 8 chi nhánh xuống còn 5 chi nhánh; nhân sự giảm 26% so với đầu năm 2025. Công ty thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm các nhân sự sau khi sắp nhập như: bổ nhiệm GĐCN Hà Nội (sáp nhập CNHN, CNNA); GĐCN Gia Lai (sáp nhập CNDK, CNGL); GĐCN Cần Thơ (sáp nhập CNVL, CNCT) và bổ nhiệm các Trưởng/phó phòng sau khi sắp nhập.

Nhằm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, Công ty đã rà soát, thanh lý và cắt giảm các hợp đồng văn phòng, kho bãi và phương tiện vận chuyển không còn phù hợp, qua đó tiết giảm chi phí hoạt động và tối ưu hóa việc sử dụng tài sản

Bên cạnh đó, Công ty thành lập các Tổ thông tin thị trường, các hội đồng chuyên môn để thực hiện cụ thể hóa các định hướng, các kế hoạch nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh trong năm

Đối với các đơn vị trong nước, Công ty ban hành chính sách thi đua khen thưởng nhằm động viên CBNV kinh doanh hoàn thành tốt doanh số được giao; đồng thời thực hiện khoán công tác phí theo doanh số đối với khối trực tiếp kinh doanh trong nước. Đối với các đơn vị nước ngoài, Công ty thực hiện khoán lương nhằm thúc đẩy bán hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động tại các đơn vị và gia tăng thu nhập cho người lao động.

Tuy thực hiện tinh gọn cơ cấu tổ chức và rà soát, tiết giảm chi phí, Công ty luôn chú trọng ổn định đời sống và giữ vững tinh thần cho người lao động. Theo đó, Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như tiền lương, thưởng và các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.... theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty duy trì một số chế độ phúc lợi cao hơn so với quy định của Luật Lao động như chế độ ốm đau, thăm hỏi, bảo hiểm tai nạn..., qua đó khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài, nâng cao năng lực và hiệu quả làm việc.

1.6. Về công tác quản lý tài chính:

Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý công nợ, rà soát và xây dựng hạn mức tín dụng phù hợp cho từng khách hàng, kiểm soát chặt chẽ việc bán hàng thông qua các tiêu chí về hạn mức

tín dụng, thời hạn thanh toán và tình trạng công nợ quá hạn. Việc ký kết hợp đồng mua bán được thực hiện đầy đủ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý công nợ và hạn chế rủi ro tài chính phát sinh.

Công ty tập trung xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển, điều chỉnh cơ cấu tồn kho phù hợp với nhu cầu thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh công tác giám sát và thực hiện định mức tồn kho cho từng chi nhánh, khu vực, từng ngành hàng nhằm kiểm soát, tăng vòng quay hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của đơn vị.

Đối với việc mua hàng, đặc biệt là mua hàng nhập khẩu, Công ty thực hiện quản lý chặt chẽ trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và khả năng tiêu thụ thực tế. Theo đó, Công ty ban hành định mức tồn kho và định mức nhập khẩu đối với từng hoạt chất, nguyên vật liệu; lựa chọn các nhà cung cấp có uy tín, đảm bảo chất lượng và tính ổn định của nguồn cung; đồng thời quy định rõ kế hoạch đặt hàng theo quý, tháng và tuần nhằm hạn chế tồn kho vượt mức và tối ưu dòng tiền.

Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế cho ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định pháp luật.



1.7 Về công tác phát triển thị trường:

Về công tác chăm sóc khách hàng, thực hiện các chương trình hội thảo thương mại tại

nhà đại lý để nắm bắt nhu cầu đại lý, ghi nhận và giải quyết các ý kiến của từng khách hàng

Tổ chức triển khai các hoạt động quảng bá theo nhu cầu thực tế của khách hàng tại các chi nhánh như tư vấn nông dân tại đại lý, phun trình diễn và hội thảo thương mại nhằm giới thiệu các sản phẩm mới và sản phẩm có tiềm năng phát triển. Gắn kết các điểm phun trình diễn và tư vấn nông dân với bộ phận Truyền thông để đưa thông tin lên trang web và truyền thông media. Phối hợp cùng Viện Cây ăn quả Miền Nam để xây dựng MÔ HÌNH QUẢN LÝ DỊCH HẠI TỔNG HỢP TRÊN CÂY SẦU RIÊNG bằng bộ sản phẩm của SPC nhằm chuẩn bị đẩy mạnh giới thiệu bộ sản phẩm của SPC sử dụng trên cây sầu riêng.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, sản xuất nội dung truyền thông đa dạng phục vụ quảng bá sản phẩm và chia sẻ kiến thức kỹ thuật cho nông dân. Trong năm 2025 Đã thực hiện trên 35 thước phim các loại, và các bài viết kỹ thuật theo các loại hình như: Phim kỹ thuật hướng dẫn sử dụng sản phẩm, phim đồ họa, phim giới thiệu sản phẩm (ứng dụng công nghệ AI), phim ghi nhận ý kiến và đánh giá, của nông dân sau khi sử dụng sản phẩm, chia sẻ kinh nghiệm canh tác và phòng trừ sâu bệnh hiệu quả. Đặc biệt chú trọng đẩy

manh truyền thông số thông qua các nền tảng Facebook, TikTok, YouTube, Zalo OA và website SPC.

Song song với truyền thông trực tuyến, SPC cũng đã tham gia Triển lãm quốc tế chuyên ngành Phân bón, Thuốc bảo vệ thực vật và Hóa chất nông nghiệp Việt Nam 2025 (tháng 6/2025 tại SECC, TP.HCM). Thường xuyên phối hợp truyền thông với các cơ quan báo chí và phát thanh như Đài phát thanh VOV (nay là HTV), Báo Nông nghiệp và Môi trường.

Công ty tập trung phát triển và mở rộng hệ thống phân phối tại thị trường trong nước và các thị trường nước ngoài, đặc biệt là thị trường Lào – nơi đang ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực và tiềm năng phát triển ổn định.

Công ty xây dựng và điều chỉnh chính sách bán hàng theo hướng linh hoạt, phù hợp với đặc điểm mùa vụ và từng khu vực. Đồng thời, triển khai các chương trình bán hàng phù hợp nhằm thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm có biên lợi nhuận cao và các sản phẩm chủ lực, qua đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và cải thiện biên lợi nhuận chung của Công ty.



2. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

2.1. Dự báo một số thuận lợi và khó khăn trong năm 2026:

a) Thuận lợi:

Các sản phẩm của Công ty đa dạng, phong phú, chất lượng, cạnh tranh đã được thị trường chấp nhận và tiếp tục giữ được uy tín đối với đại lý, khách hàng, nông dân, người sử dụng trực tiếp do chất lượng sản phẩm luôn được đảm bảo và mang lại hiệu quả cho người sử dụng, tạo nền tảng duy trì và phát triển kinh doanh.

Thương hiệu SPC đã được xây dựng nhiều năm qua thương hiệu SPC đã có uy tín nhất định trong ngành, được khách hàng biết đến và có chỗ đứng trên thị trường, là hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền, có sản phẩm được công nhận Thương hiệu Quốc gia Việt Nam và được người sử dụng tin dùng.

Hệ thống đại lý truyền thống của Công ty được duy trì tương đối ổn định, trải rộng từ Bắc xuống Nam và tại thị trường 02 nước Lào và Campuchia, đảm bảo độ phủ thị trường và khả năng tiếp cận khách hàng. Đối với các nhà cung cấp, Công ty tiếp tục duy trì và củng cố quan hệ hợp tác, đảm bảo nguồn cung ổn định và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác tái cơ cấu và kiểm soát chi phí được triển khai trong năm 2025 tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần cải thiện năng suất và tối ưu nguồn lực. Sau 2 năm hoạt động kinh doanh thua lỗ nặng, năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mang lại hiệu quả tạo nên nền tảng, niềm tin, động lực quan trọng cho thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

b) Khó khăn

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu cực đoan, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp khó lường, nắng nóng có khả năng đến sớm và xảy ra nhiều hơn so với năm 2025, hạn hán, xâm nhập mặn sẽ sớm hơn và sâu hơn mọi năm ảnh hưởng tiêu cực đến diện tích canh tác cây trồng và khả năng sử dụng thuốc BVTV.

Trong năm 2026, thị trường dự kiến tiếp tục đối mặt với mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt từ các doanh nghiệp vừa và từ các tập đoàn đa quốc gia đang thực hiện chiến lược bán “thắng” cho khách hàng, đại lý, đồng thời xuất hiện ngày càng nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ với các sản phẩm tương đồng, chủ yếu cạnh tranh về giá và các chính sách khuyến mãi hấp dẫn tạo áp lực lớn lên hệ thống phân phối. Ngoài ra, diện tích đất sử dụng cho sản xuất nông nghiệp ngày càng thu hẹp do nhường cho phát triển Khu công nghiệp ngày càng tăng; sức mua của người nông dân phụ thuộc rất lớn vào giá nông sản, trong khi mặt bằng giá nông sản có tính biến động cao, ảnh hưởng đến khả năng phát triển và tiêu thụ sản phẩm vật tư nông nghiệp.

Tình hình bất ổn chính trị trên thế giới, đặc biệt là các xung đột và chiến sự kéo dài tại khu vực Trung Đông, tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tuyến vận tải biển quốc tế đi qua khu vực này, bao gồm những tuyến hàng hải quan trọng kết nối châu Á với các thị trường khác, thường xuyên đối mặt với nguy cơ gián đoạn hoặc phải thay đổi lộ trình vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn. Điều này dẫn đến việc kéo dài thời gian vận chuyển, gia tăng chi phí logistics, chi phí bảo hiểm hàng hóa và chi phí vận tải biển. Công ty có mức độ phụ thuộc tương đối lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, các biến động liên quan đến chuỗi cung ứng quốc tế có thể tác động trực tiếp đến tiến độ nhập khẩu nguyên liệu đầu vào. Trong trường hợp chi phí vận tải biển tăng cao hoặc thời gian giao hàng kéo dài, Công ty có thể phải đối mặt với việc gián đoạn nguồn cung nguyên liệu, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm ra thị trường.

Tình hình căng thẳng chính trị cũng có thể tác động gián tiếp đến giá năng lượng và chi phí nhiên liệu trên thị trường quốc tế. Khi giá dầu và chi phí vận tải tăng, giá thành nguyên liệu nhập khẩu và chi phí logistics của Công ty sẽ có xu hướng tăng theo, làm gia tăng giá vốn hàng bán và gây áp lực lên biên lợi nhuận. Ngoài ra, các biến động này cũng có thể ảnh hưởng đến tỷ giá ngoại tệ, đặc biệt đối với các giao dịch thanh toán quốc tế, từ đó làm gia tăng rủi ro tài chính trong hoạt động nhập khẩu của Công ty.



2.2. Kế hoạch kinh doanh và giải pháp thực hiện trong năm 2026

a. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu: (báo cáo hợp nhất)

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2025	Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	355,507,480	360,000,000	101.3%
2	Sản lượng	Tấn	4,740	4,800	101.3%
3	Doanh thu thuần SXKD	1.000 đ	950,753,243	922,140,000	97.0%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	21,589,595	16,450,000	76.2%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	15,604,993	13,451,048	86.2%
	Lợi nhuận sau thuế Cty mẹ		15,887,085	13,252,096	83.4%
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%	14.8%	12.77%	86.2%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	23,357,328	25,000,000	107.0%

b. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu: (báo cáo riêng)

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2025	Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025
1	Giá trị sản xuất	1.000 đ	355,507,480	360,000,000	101.3%
2	Sản lượng	Tấn	4,740	4,800	101.3%
3	Doanh thu thuần SXKD	1.000 đ	460,893,918	506,000,000	109.8%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	7,452,795	8,600,000	115.4%
5	Lợi nhuận sau thuế	1.000 đ	5,928,881	6,880,000	116.0%
6	Tỷ suất LNST/Vốn góp CSH	%	5.6%	6.5%	116.0%
7	Nộp ngân sách	1.000 đ	13,044,589	16,000,000	122.6%



c. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong năm 2026:

+ Về công tác thị trường, sản phẩm, chính sách bán hàng

Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống phân phối trong nước, đồng thời tập trung khai thác thị trường Campuchia và Lào trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ rủi ro pháp lý và công nợ. Tạm ngưng hoạt động kinh doanh tại Myanmar, thu hẹp và hạn chế tối đa chi phí hoạt động tại Myanmar chờ đến khi tình hình chính trị ở Myanmar ổn định và bầu cử trở lại.

Thực hiện rà soát, cơ cấu lại danh mục sản phẩm theo hướng ưu tiên các sản phẩm chủ lực, có biên lợi nhuận cao, thân thiện môi trường và phù hợp xu hướng canh tác bền vững; rà soát, giảm dần hoặc tạm dừng các sản phẩm hiệu quả thấp.

Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt theo khu vực và mùa vụ; giá bán điều chỉnh phù hợp diễn biến thị trường nhưng bảo đảm kiểm soát chặt chiết khấu thương mại nhằm duy trì biên lợi nhuận mục tiêu. Giao chỉ tiêu kinh doanh gắn với hiệu quả lợi nhuận gộp và cơ cấu sản phẩm.

Đẩy mạnh hoạt động marketing và truyền thông theo hướng hiện đại (tiktok, youtube, zalo...), kết hợp hội thảo nông dân, hội thảo thương mại, tư vấn tại đại lý và các mô hình trình diễn với ứng dụng nền tảng số nhằm nâng cao nhận diện thương hiệu và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.

+ Về quản lý nợ phải thu

Tăng cường công tác quản lý công nợ theo nguyên tắc kiểm soát rủi ro và đảm bảo dòng tiền. Rà soát, xây dựng hạn mức tín dụng phù hợp đối với từng khách hàng trên cơ sở năng lực tài chính và lịch sử thanh toán; thực hiện bán hàng trong phạm vi hạn mức được duyệt, thực hiện các biện pháp bán 1 thu 2,... để giảm bớt công nợ, tối ưu dòng tiền.

Tiếp tục gắn tiêu thu hồi tiền bán hàng, tỷ lệ nợ quá hạn vào phương thức tính lương của bộ phận kinh doanh. Tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý hợp đồng, công nợ và cảnh báo nợ

đến hạn.

Tập trung xử lý dứt điểm các khoản nợ quá hạn, hạn chế tối đa phát sinh nợ xấu mới; chủ động thực hiện các biện pháp để quản lý nợ như thường xuyên thăm hỏi khách hàng, đối chiếu công nợ nhằm bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.



+ Về quản lý hàng tồn kho

Thực hiện lập kế hoạch mua hàng và sản xuất gắn với dự báo mùa vụ, nhu cầu thị trường; kiểm soát tồn kho theo định mức tối đa và định mức nhập khẩu từng loại nguyên liệu, hoạt chất (nguyên liệu, bán thành phẩm nhập, bao bì, phụ gia,...) đảm bảo cung ứng nhu cầu thị trường.

Thường xuyên phân tích cơ cấu tồn kho theo tuổi hàng; đẩy nhanh xử lý hàng chậm luân chuyển, phối trộn phù hợp nhằm hạn chế tồn thất và nâng cao vòng quay hàng tồn kho.

Tăng cường công tác đàm phán, lựa chọn nhà cung cấp thông qua hình thức đấu thầu, đảm bảo giá mua hợp lý, chất lượng tốt và nguồn hàng cung cấp ổn định.

+ Về quản lý chi phí

Tiếp tục thực hiện rà soát, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất. Xây dựng định mức hao hụt chi tiết theo từng mã sản phẩm/BTP và từng công đoạn (phối trộn, tái chế, đóng gói),

thay thế việc áp dụng định mức chung theo nhóm sản phẩm đã ban hành từ rất lâu.

Tổ chức rà soát, cập nhật định mức định kỳ hoặc khi có thay đổi về công thức, nguyên liệu, thiết bị. Thiết lập cơ chế theo dõi hao hụt thực tế theo từng mẻ sản xuất; trường hợp vượt định mức phải có giải trình, phân tích nguyên nhân và biện pháp xử lý kịp thời. Từ đó làm giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

Cơ cấu lại lao động tại xí nghiệp sản xuất theo hướng phù hợp với công suất thực tế nhằm tối ưu chi phí nhân công trên một đơn vị sản phẩm; đồng thời xây dựng cơ chế khoán tiền lương gắn với sản lượng và định mức hao hụt, đảm bảo thu nhập của người lao động gắn chặt với việc tuân thủ quy trình kỹ thuật và tiết

kiệm nguyên vật liệu. Phân tích tỷ trọng chi phí nhân công trong giá thành từng nhóm sản phẩm để điều chỉnh quy trình, cải tiến thao tác và nâng cao năng suất lao động; tăng cường đào tạo, chuẩn hóa kỹ thuật sản xuất nhằm hạn chế sai lỗi, giảm chi phí tái chế và chi phí gián tiếp, qua đó góp phần kiểm soát và hạ giá thành sản phẩm.

+ Về công tác đầu tư

Thực hiện đầu tư có chọn lọc để thay thế, nâng cấp một số thiết bị, dây chuyền sản xuất thuốc bảo vệ thực vật dạng nhũ nhằm nâng cao năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm và tăng năng lực cạnh tranh.



Sản phẩm NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ



**An toàn - hiệu quả - tiện lợi
Thân thiện môi trường**

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng và năm tài chính 2025 của Công ty.

Thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Giám sát tình hình sử dụng lao động và việc chấp hành các chế độ liên quan đến người lao động theo luật định.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị trong các cuộc họp.

Tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban, chuyên đề, chiến lược của Công ty và tham mưu cho HĐQT và Ban giám đốc các giải pháp nhằm kiểm soát và quản trị rủi ro một cách hiệu quả nhất.

Theo dõi công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Theo dõi các số liệu phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, qua đó phân tích đánh giá các chỉ tiêu tài chính và kiến nghị các biện pháp nhằm mục tiêu giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.

Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Xem xét mức phí và đánh giá năng lực các đơn vị kiểm toán độc lập. Tư vấn HĐQT trong việc chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty. Vào thời điểm kết thúc 06 tháng và cuối năm, Ban kiểm soát phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của các số liệu.

❖ Mức lương và thù lao của Ban kiểm soát trong năm 2025

✓ Trưởng Ban kiểm soát:

+ Từ tháng 01/2025-04/2025: Hưởng lương do làm việc chuyên trách

+ Từ tháng 05-12/2025: Hưởng thù lao 3 triệu đồng/tháng do làm công việc kiêm nhiệm.

✓ Thù lao thành viên Ban kiểm soát: 2 triệu đồng/tháng.



2. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2025

2.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2025

Dvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ %	
			Kế hoạch	Thực hiện	3/1	3/2
		1	2	3	4	5
1	Tổng tài sản	451.368		410.818	91%	
2	Công nợ phải thu KH	126.456		106.842	84%	
3	Hàng tồn kho	238.518		214.059	90%	
4	Nợ phải trả	328.597		273.113	83%	
5	Vốn chủ sở hữu	122.771		137.705	112%	
6	Hệ số Nợ/Vốn CSH (lần)	2,68		1,98	74%	
7	Doanh thu (hợp nhất)	863.686	936.807	937.037	108%	100%
8	Lợi nhuận trước thuế	-45.942	10.000	21.589		215%
9	Lợi nhuận sau thuế	-48.188	8.000	15.604		195%
10	Tỷ suất LNST/Doanh thu	- 6%		1,67%		

(Nguồn số liệu: căn cứ BCTC năm 2025 đã được kiểm toán)

(Ghi chú: Doanh thu và lợi nhuận 2025 đã bao gồm số liệu của Công ty cổ phần TM Mộc Hóa)

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2025: 410,818 tỷ đồng, giảm 9% (tương đương 40,549 tỷ đồng) so với thời điểm đầu năm 2025, trong đó biến động lớn, bao gồm:

- + Tiền và các khoản tương đương tiền: tăng 17,697 tỷ đồng
- + Các khoản phải thu ngắn hạn: giảm 19,242 tỷ đồng
- + Hàng tồn kho: giảm 24,458 tỷ đồng
- + Tài sản ngắn hạn khác: giảm 11,181 tỷ đồng
- + Tài sản dài hạn: giảm 2,615 tỷ đồng

Các khoản khác biến động không đáng kể.

Công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2025: 106,842 tỷ đồng, giảm 16% (tương đương 19,614 tỷ đồng) so với cùng thời điểm năm 2024. Nguyên nhân là do Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý công nợ và xây dựng hạn mức tín dụng phù hợp cho từng khách hàng, kiểm soát chặt chẽ việc bán hàng thông qua các tiêu chí về hạn mức tín dụng, thời hạn thanh toán và tình trạng công nợ quá hạn, bên cạnh đó là Công ty có ban hành các chính sách bán hàng và thu tiền hấp dẫn để sớm thu hồi công nợ của khách hàng, giảm thiểu rủi ro đồng thời tăng nguồn vốn lưu động của Công ty phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, công nợ phải thu khách hàng vào thời điểm cuối năm giảm đáng kể so với cùng kỳ.

Hàng tồn kho đến 31/12/2025: 214,059 tỷ đồng, giảm 9% (tương đương 24,458 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ năm 2024. Nguyên nhân là do Công ty tiếp tục thực hiện quản lý chặt chẽ công tác mua hàng trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và khả năng tiêu thụ thực tế, ban hành định mức tồn kho và định mức nhập khẩu đối với từng hoạt chất, nguyên vật liệu. Bên cạnh đó là đẩy mạnh tồn kho hàng chậm luân chuyển để thu hồi vốn. Vì vậy, hàng tồn kho vào thời điểm cuối năm giảm đáng kể so với cùng kỳ.

Nợ phải trả đến 31/12/2025: 273,113 tỷ đồng, giảm 17% (tương đương 55,484 tỷ đồng) so với thời điểm cùng kỳ 2024. Nguyên nhân là Công ty giảm mạnh được công nợ phải thu khách hàng và hàng tồn kho làm cho nguồn vốn lưu động tăng lên để thanh toán các khoản công nợ cho ngân hàng và nhà cung cấp. Vì vậy, công nợ phải trả giảm đáng kể.

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đến 31/12/2025: 1,98 lần, tỷ lệ này giảm 26% so với năm 2024, chỉ số này luôn nằm trong mức an toàn cho hoạt động của đơn vị (<3%).

Doanh thu hợp nhất năm 2025: 937,037 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm và đạt 108% so với thực hiện năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế năm 2025: 21,589 tỷ đồng, đạt 215% so với kế hoạch.

Lợi nhuận sau thuế năm 2025: 15,604 tỷ đồng, đạt 195% so với kế hoạch.



3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2025

Về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty đã thực hiện với các kết quả như sau:

Trong năm 2025 HĐQT và Ban điều hành công ty đã nỗ lực phấn đấu, khắc phục những khó khăn để định hướng và điều hành đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu hợp nhất đạt 100,5% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 215,9% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 195,1% so với kế hoạch.

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025: Không thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và không chia cổ tức vì Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm 2024 còn âm 58,531 tỷ.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 thì Công ty chỉ thực hiện trả lương chuyên trách cho Phó chủ tịch HĐQT và Trưởng ban kiểm soát, không thực hiện chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát vì năm 2024 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có hiệu quả.

Công ty đã thông qua các tiêu chí về đơn vị kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 theo đúng Nghị quyết.

Công ty đã thực hiện việc miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2027 theo đúng nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đã ban hành.

- + Miễn nhiệm thành viên HĐQT: Ông Nguyễn Quốc Dũng
- + Bổ nhiệm thành viên HĐQT: Ông Điều Quang Trung
- + Miễn nhiệm thành viên BKS: Ông Huỳnh Văn Hải
- + Bổ nhiệm thành viên BKS: Bà Phan Thái Hằng.

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2024

Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành họp định kỳ, đột xuất hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành nhiều Nghị quyết với nhiều nội dung cụ thể nhằm định hướng, chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề cấp bách, các nghị quyết này được Ban điều hành triển khai thực hiện triệt để nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được thông suốt, mang lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị, cụ thể như:

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng quý của đơn vị, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, chỉ đạo giải quyết những tồn tại.

Ban hành Nghị quyết thông qua hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.

Ban hành Nghị quyết thông quy chế kiểm toán nội bộ.

Ban hành Nghị quyết thông quy chủ trương đầu tư máy móc thiết bị tại Xí nghiệp Hiệp Phước.

Ban hành Nghị quyết thông qua hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng năm 2025

Ban hành Nghị quyết thông qua Phương án sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự và hoạt động của Công ty.



5. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG



Hoạt động của công ty tuân thủ theo pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung, có đầy đủ các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát tham gia, có biên bản họp sau khi kết thúc, những cuộc họp lấy ý kiến các thành viên đều được thực hiện theo đúng trình tự, đúng quy chế, và phù hợp với Điều lệ công ty. Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm theo quy chế, điều lệ quy định các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao

để đưa ra các Nghị quyết và quyết định kịp thời để định hướng, chỉ đạo kinh doanh theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định của pháp luật.

Trong năm 2025 Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực khắc phục khó khăn, kịp thời đưa ra nhiều giải pháp, chiến lược định hướng, tổ chức lại hoạt động, phân tích đánh giá bộ sản phẩm đang kinh doanh, tìm kiếm các sản phẩm thay thế bổ sung, ban hành các chính sách bán hàng phù hợp, phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch, thực hành tiết kiệm chi phí, triển khai tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.

6. BÁO CÁO GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên

+ Trong năm 2025 không phát sinh.

+ SPC có khoản nợ vay ngắn hạn 54.000.000 đồng với Giám đốc điều hành công ty là ông Nguyễn Quốc Dũng (không bổ nhiệm lại do hết hạn nhiệm kỳ Giám đốc điều hành kể từ ngày 25/04/2025), phát sinh từ trước năm 2015. SPC đã thực hiện thanh toán đầy đủ cho ông Nguyễn Quốc Dũng ngày 09/05/2025.

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành:

Trong năm 2025 Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01/NLP-HĐMB 2025 & số 02/NLP-HĐMB 2025, ngày 02/01/2025 về việc mua chai, can nhựa và thùng carton các loại với Công ty TNHH SX&TM Nam Long Phát do ông Huỳnh Đức là người đại diện pháp luật.

Trong năm 2022 Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 367/BVTV-SG/HĐMBHHSG, ngày 17/05/2022 với Công ty TNHH Thương mại Nông Phú do ông Võ Văn Nghị là người đại diện pháp luật, hợp đồng có hiệu lực 03 năm (17/05/2022 – 17/05/2025).

Trong năm 2025 Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 311/BVTV-SG/HĐMBHHSG/KDĐT 2025, ngày 18/05/2025 với Công ty TNHH Thương mại Nông Phú do ông Võ Văn Nghị là người đại diện pháp luật, hợp đồng có hiệu lực 03 năm (18/05/2025 – 18/05/2028).



Trong năm 2024 Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số 697/BVTV-SG/HĐMBHHSG, ngày 01/10/2024 với Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa do ông Nguyễn Văn Bé Hai là người đại diện pháp luật, hợp đồng có hiệu lực 03 năm (01/10/2024 – 30/09/2027).

STT	Tên Công ty/Người liên quan	Tên hàng hóa giao dịch	Tổng giá trị giao dịch năm 2025 (đồng)	Tỷ lệ giá trị giao dịch/Tổng tài sản năm 2024
1	Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát (TV HĐQT Huỳnh Chí Quyền – Con trai ông Huỳnh Đức là Chủ tịch, kiêm Giám đốc công ty Nam Long Phát)	SPC mua các sản phẩm thùng giấy, chai thuốc, nhãn mác...	10.559.494.030	2,76%
2	Công ty TNHH TM Nông Phú (TV HĐQT Võ Văn Nghị - Giám đốc công ty Nông Phú)	SPC bán các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật, phân bón...	956.440.985	0,26%
3	Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa (MJC) (Ông Điều Quang Trung, Giám đốc SPC làm Chủ tịch HĐQT MJC)	Công ty con do SPC sở hữu trực tiếp	SPC mua hàng: 6.146.113.000 SPC bán hàng: 41.974.183 Doanh thu tài chính: 394.272.000 đồng (cổ tức năm 2024 từ MJC chuyển về)	1,47%

Sau khi rà soát hợp đồng, giao dịch phát sinh trong năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (SPC) với người có liên quan thì Ban kiểm soát nhận thấy rằng tổng giá trị các giao dịch phát sinh trong năm 2025 và tỷ lệ giá trị giao dịch/Tổng tài sản SPC nhỏ hơn 20%, hoàn toàn phù hợp với các quy định hiện hành.



7. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BKS VỚI HĐQT, BGD

Trong năm qua, giữa BKS với HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các Quy chế nội bộ.

HĐQT tiếp tục giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời BDH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT và Ban điều hành Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

8. CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công nợ phải thu khách hàng của Công ty đến cuối năm 2025 giảm nhiều so với cùng thời điểm năm 2024. Ban kiểm soát đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường công tác theo dõi và thu hồi nợ được kịp thời, hạn chế tối đa phát sinh mới nợ quá hạn dẫn đến nợ xấu. Đối với các công nợ khó đòi, công nợ khởi kiện thì đề nghị Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ, cập nhật tình hình tài chính, tài sản của khách hàng cũng như tiến độ, kết quả giải quyết của các cơ quan tòa án, thi hành án đối với các công nợ khách hàng có liên quan đến Công ty, để từ đó có biện pháp thu hồi công nợ khó đòi này, nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất cho đơn vị.

Hàng tồn kho cuối năm 2025 có giảm nhiều so với cùng thời điểm năm 2024 tuy nhiên vẫn còn cao, còn nhiều mặt hàng tồn kho lâu ngày, chậm luân chuyển. Đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác quản lý hàng tồn kho của đơn vị, hạn chế tối đa việc tồn kho lâu ngày các nguyên vật liệu, vật tư sản xuất, cần đẩy mạnh công tác luân chuyển hàng hóa thành phẩm. Bên cạnh đó, tiếp tục rà soát và có biện pháp xử lý các nguyên liệu, vật tư ứ đọng lâu ngày nhằm quay vòng hàng tồn kho được nhanh hơn.

Công nợ phải trả của Công ty cuối năm 2025 giảm đáng kể so với cùng thời điểm năm 2024. Ban kiểm soát đề nghị Công ty tiếp tục kiểm soát công nợ phải trả luôn ở mức an toàn. Bên cạnh đó, việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, ngân hàng phải luôn được quan tâm đề cao nhằm đảm bảo uy tín cho đơn vị.

Cần tăng cường hơn nữa công tác quản trị rủi ro, chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho đơn vị, thường xuyên phân tích đánh giá tình hình tài chính của khách hàng.

Tiếp tục đầu tư nghiên cứu, đăng ký các sản phẩm mới để bổ sung và danh mục sản phẩm của Công ty nhằm thay thế các sản phẩm bị loại ra khỏi danh mục theo quy định của Cục BVTV.



Đề nghị Công ty tiếp tục rà soát, sắp xếp kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn hiệu quả, giảm bớt các chi phí hoạt động ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của đơn vị, đồng thời xem xét các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất sản phẩm tại nhà máy nhằm giảm giá thành, tăng mức độ cạnh tranh cho sản phẩm ngoài thị trường, phát triển doanh thu.

9. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Ban kiểm soát thay mặt cho cổ đông tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty.

Kiểm soát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Giám sát tình hình kinh doanh của Công ty, xem xét tiến độ hoạt động của các dự án, tình hình sử dụng nguồn vốn công ty, tình hình quản lý công nợ, hàng hóa tồn kho.

Giám sát việc thực hiện và chấp hành các Quy chế, Quy trình khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, quản lý vật tư hàng hóa, công nợ, chi phí và đầu tư của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót. Từ đó đưa ra những kiến nghị, đề xuất với HĐQT và Ban Giám đốc.

Theo dõi, giám sát công tác kiểm kê, việc ghi chép sổ sách, hạch toán chi phí, lưu trữ chứng từ tại các Phòng/Ban Công ty.

Thẩm định các báo cáo tài chính, đánh giá phân tích tình hình tài chính cũng như việc bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu một cách trung thực và khách quan.

Thông qua chương trình kiểm toán và trực tiếp tham gia quyết toán Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cùng đơn vị kiểm toán độc lập.

Thực hiện nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



PATAXIM 55 EC
CHUYÊN TRỪ CỎ CHO RUỘNG LÚA, VỚI HAI CHẤT TÁC ĐỘNG
Butachlor: 275 g/l và Propanil: 275 g/l

>>> Trừ cỏ hại LÚA cho mùa BỘI THU !



THUỐC TRỪ SÂU
KingSpider 93 SC

ĐẶC TRỊ NHỆN ĐỎ

HIỆU LỰC KÉO DÀI



BÁO CÁO CHI TRẢ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận kết quả có lợi nhuận. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Từ tháng 5/2025, Công ty không còn chức danh Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách, do đó không phát sinh chi trả tiền lương chuyên trách đối với chức danh này kể từ thời điểm nêu trên. Hội đồng quản trị đề nghị chi trả thù lao đối với Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2025 với mức thù lao 3.000.000đ/tháng.

Theo đó: thù lao chi trả như sau:

- Tổng thù lao chi trả thành viên HĐQT năm 2025 là: 168 triệu đồng.
- Tổng thù lao chi trả thành viên BKS năm 2025 là: 72 triệu đồng.

KẾ HOẠCH CHI TRẢ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Năm 2026 Hội đồng quản trị gồm 05 người, Ban kiểm soát gồm 03 người. Mức thù lao cho năm 2026 cho HĐQT và BKS đề nghị như sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị:	5.000.000 đồng/tháng
Phó chủ tịch Hội đồng quản trị:	hưởng lương chuyên trách
Thành viên Hội đồng quản trị:	3.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban kiểm soát (không chuyên trách):	3.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban kiểm soát:	2.000.000 đồng/tháng

Ghi chú: Trường hợp kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty không có hiệu quả (lỗ) thì sẽ không chi thù lao HĐQT và BKS.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 03 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Anh Tùng	Chủ tịch
Ông Tổng Xuân Phú	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Chí Quyền	Thành viên
Ông Võ Văn Nghị	Thành viên
Ông Điều Quang Trung	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025)
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Điều Quang Trung	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025)
	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Phó Giám đốc
Ông Võ Thanh Sang	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 05/05/2025)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Kim Anh	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2025)
Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2025)
	Thành viên (Từ ngày 09/05/2025)
Bà Phan Thái Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025)
Ông Huỳnh Văn Hải	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Điều Quang Trung - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



Điều Quang Trung

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026



Số: 160326.003/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập ngày 16 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2025-002-1

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn
Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		353.720.269.034	391.654.930.723
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	24.368.735.017	6.671.135.245
111	1. Tiền		22.368.735.017	6.671.135.245
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	4.500.000.000	5.250.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.500.000.000	5.250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		94.379.653.282	113.621.818.220
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	106.842.090.824	126.456.635.514
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.204.239.811	2.609.314.558
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	5.310.995.577	3.264.500.490
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	08	(20.977.672.930)	(18.708.632.342)
140	IV. Hàng tồn kho	09	214.059.776.045	238.518.370.241
141	1. Hàng tồn kho		228.041.283.599	249.240.119.892
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.981.507.554)	(10.721.749.651)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.412.104.690	27.593.607.017
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.114.166.717	1.074.229.470
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.493.523.155	25.857.663.626
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	804.414.818	661.713.921
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		57.098.586.163	59.713.907.877
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		431.950.914	619.886.914
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	431.950.914	619.886.914
220	II. Tài sản cố định		26.402.547.528	27.656.888.161
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	21.936.183.468	21.868.394.087
222	- Nguyên giá		151.622.085.060	152.581.341.574
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(129.685.901.592)	(130.712.947.487)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	-	1.181.417.642
225	- Nguyên giá		-	2.974.198.190
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(1.792.780.548)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	4.466.364.060	4.607.076.432
228	- Nguyên giá		9.111.423.802	9.261.423.802
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.645.059.742)	(4.654.347.370)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	47.009.698	173.625.530
231	- Nguyên giá		1.987.525.446	1.922.357.945
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.940.515.748)	(1.748.732.415)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.403.352.082	4.873.604.417
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4.403.352.082	4.873.604.417
260	V. Tài sản dài hạn khác		25.813.725.941	26.389.902.855
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	14.823.607.802	14.257.443.360
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35.a	10.990.118.139	12.132.459.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		410.818.855.197	451.368.838.600

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		273.113.329.539	328.597.688.110
310	I. Nợ ngắn hạn		267.008.180.741	321.919.254.312
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	112.795.831.786	165.291.362.742
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	218.874.457	345.406.885
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.337.588.441	7.544.737.397
314	4. Phải trả người lao động		15.751.642.368	7.149.214.879
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	16.865.319.141	4.852.078.703
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	59.987.324
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	8.480.260.258	12.836.477.191
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	110.434.698.405	123.758.110.782
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		123.965.885	81.878.409
330	II. Nợ dài hạn		6.105.148.798	6.678.433.798
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.091.854.000	1.316.854.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	-	348.285.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35	5.013.294.798	5.013.294.798
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.705.525.658	122.771.150.490
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	137.705.525.658	122.771.150.490
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		105.300.000.000	105.300.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		105.300.000.000	105.300.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		782.715.818	782.715.818
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	23	14.409.438.265	14.760.005.246
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		62.557.331.487	62.507.094.322
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(55.184.569.968)	(70.980.439.093)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(71.071.654.817)	(22.412.015.010)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15.887.084.849	(48.568.424.083)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.840.610.056	10.401.774.197
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		410.818.855.197	451.368.838.600

Đinh Hoàng Phát
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Phùng Thái Phương Trang
Kế toán trưởng

Điền Quang Trung
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	950.753.243.467	885.499.684.027
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	13.715.510.412	21.813.253.368
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		937.037.733.055	863.686.430.659
11	4. Giá vốn hàng bán	27	753.284.126.837	718.229.174.100
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		183.753.606.218	145.457.256.559
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	10.449.077.867	11.350.039.510
22	7. Chi phí tài chính	29	50.504.086.860	52.701.726.136
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.591.953.268	8.704.816.633
25	8. Chi phí bán hàng	30	87.886.220.313	127.496.938.714
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	34.768.281.038	26.225.002.135
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.044.095.874	(49.616.370.916)
31	11. Thu nhập khác	32	4.316.452.488	5.083.726.078
32	12. Chi phí khác	33	3.770.953.484	1.409.808.095
40	13. Lợi nhuận khác		545.499.004	3.673.917.983
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.589.594.878	(45.942.452.933)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	4.842.260.421	3.244.247.364
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35	1.142.341.356	(998.573.619)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.604.993.101	(48.188.126.678)
61	18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		15.887.084.849	(48.499.527.359)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(282.091.748)	311.400.681
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	1.509	(4.606)

Đinh Hoàng Phát
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Phùng Thái Phương Trang
Kế toán trưởng

Điền Quang Trung
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.589.594.878	(45.942.452.933)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.685.737.337	4.901.925.518
03	- Các khoản dự phòng		5.528.798.491	3.566.295.620
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(58.720.055)	419.044.631
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.558.868.681)	(310.747.227)
06	- Chi phí lãi vay		7.591.953.268	8.704.816.633
07	- Các khoản điều chỉnh khác		470.252.335	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.248.747.573	(28.661.117.758)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		28.158.921.379	96.146.304.970
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.198.836.293	(34.899.994.236)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(42.706.175.164)	(31.126.719.010)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.070.790.481)	(695.055.175)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.620.687.584)	(8.716.711.807)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.914.641.797)	(4.414.134.854)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(33.587.476)	(227.381.493)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.260.622.743	(12.594.809.363)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.753.471.889)	(358.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.267.009.091	295.272.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.250.000.000)	(5.250.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ		3.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		294.237.672	47.665.194
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(442.225.126)	(5.265.062.079)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		377.032.560.720	482.414.302.657
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(390.442.253.149)	(475.767.397.849)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(262.004.948)	(449.151.408)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(244.376.000)	(7.259.373.685)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.916.073.377)	(1.061.620.285)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.902.324.240	(18.921.491.727)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.671.135.245	24.814.475.638
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(204.724.468)	778.151.334
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	24.368.735.017	6.671.135.245

Đinh Hoàng Phát

Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Phùng Thái Phương Trang

Kế toán trưởng

Điền Quang Trung

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 03 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 105.300.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 105.300.000.000 VND; tương đương 10.530.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 373 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 470 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2025, trong khi nền kinh tế tiếp tục khó khăn làm cho phần lớn các hoạt động kinh doanh chưa thực sự phục hồi, và Công ty cũng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cùng ngành. Tại thị trường trong nước, mặc dù giá bán tăng nhưng sản lượng bán giảm so với năm trước làm cho tổng doanh thu năm nay giảm, tuy nhiên, tại thị trường Lào và Campuchia, sản lượng và giá bán tăng đã góp phần khiến tổng doanh thu bán hàng năm nay tăng 65,25 tỷ VND tương đương tăng 7,37% so với năm trước. Giá vốn hàng bán năm nay tăng 35,05 tỷ VND (tương đương tăng 4,88%) so với năm trước.

Các khoản giảm trừ doanh thu năm nay giảm 8,1 tỷ VND tương đương giảm 37,12% so với năm trước, nguyên nhân do giảm các khoản hàng bán bị trả lại.

Bên cạnh đó, chi phí bán hàng năm nay giảm 39,61 tỷ VND tương đương giảm 31,07% so với năm trước, nguyên nhân do giảm chi phí nhân công, chi phí tiền thuê đất và các chi phí khác.

- Chi phí nhân công năm nay giảm 12,82 tỷ VND tương đương giảm 21,84% so với năm trước do Công ty thực hiện rà soát tình hình hoạt động của các chi nhánh, sáp nhập các địa điểm kinh doanh khiến cho số lượng nhân sự bộ phận bán hàng giảm qua đó làm cho chi phí nhân công giảm mạnh.
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu năm nay giảm 6,48 tỷ VND tương đương giảm 52,93% so với năm trước do Công ty chủ động thu hẹp quy mô quảng bá, làm cho lượng hàng hóa xuất kho phục vụ công tác quảng bá sản phẩm giảm.
- Chi phí khác bằng tiền giảm 16,28 tỷ VND tương đương giảm 46,2% so với năm trước do không phát sinh tiền thuê đất truy thu, đồng thời, giảm các chi phí tiếp khách, hội thảo...

Do ảnh hưởng từ biến động tăng doanh thu nhanh hơn so với giá vốn, kết hợp biến động giảm chi phí bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu là nguyên nhân chính khiến cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay đạt 21,59 tỷ VND trong khi năm 2024 Công ty ghi nhận lỗ 45,94 tỷ VND.

Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Cambodia	Vương quốc Campuchia	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Tỉnh Tây Ninh	61,74%	61,74%	Kinh doanh bách hóa, xăng dầu, thuốc bảo vệ thực vật

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính (nếu chênh lệch không vượt quá 3%).

Báo cáo tài chính Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản theo tỷ giá 1,1925 VND/LAK và nợ phải trả theo tỷ giá 1,2399 VND/LAK theo tỷ giá được công bố tại Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt tại ngày 31/12/2025, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính là 1,2049 VND/LAK.

Báo cáo tài chính Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Campuchia lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản theo tỷ giá 6,494 VND/KHR và nợ phải trả theo tỷ giá 6,536 VND/KHR theo tỷ giá được công bố tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia tại ngày 31/12/2025, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính là 6,456 VND/KHR.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	05 năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Phương pháp kế toán đối với BCC phân chia lợi nhuận sau thuế: Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

2.17 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí bảo hiểm ngắn hạn bao gồm các bảo hiểm con người và bảo hiểm xe, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng không quá 12 tháng.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ không quá 12 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí dịch vụ mua phần mềm, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

2.18 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.19 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chỉ tiết theo nguyên tệ.

2.20 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.21 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí chiết khấu, khuyến mãi, chi phí lãi vay... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.22 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và hình thành phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.25 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.26 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm tài chính và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.27 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.28 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Thuế suất thuế TNDN hiện hành đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 tại Công ty mẹ và các Công ty con đang áp dụng là 20%.

2.29 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.30 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh mà chỉ lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.164.290.574	1.349.570.490
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.204.444.443	5.321.564.755
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
	24.368.735.017	6.671.135.245

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 4,75 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (*)	4.500.000.000	-	5.250.000.000	-
	4.500.000.000	-	5.250.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 4.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,7%/năm, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại thời điểm cuối năm (Xem thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuế tài chính).

5 . PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	-	-	573.038	-
Bên khác	106.842.090.824	(20.093.646.841)	126.456.062.476	(17.849.714.485)
Đại lý Houy Heng	4.031.573.344	-	996.586.481	-
Đại lý Sear Kim Sru	6.161.460.359	-	2.034.848.813	-
Đại lý Chhun Hong	4.396.915.705	-	5.200.026.550	-
Cửa hàng Vật tư Công nghiệp Nông nghiệp Đào Công An	2.045.068.542	(2.045.068.542)	3.406.780.174	(395.246.803)
Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.386.983.683	(3.386.983.683)	3.386.983.683	(3.386.983.683)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	(3.275.568.294)	3.275.568.294	(3.275.568.294)
Đại lý Võ Hoàng Dũng	925.436.778	-	1.519.322.700	-
Hộ kinh doanh Hoàng Đình Thiển Hộ I	-	-	3.088.789.200	-
Hộ kinh doanh Sơn - Hải	2.613.130.000	(1.713.130.000)	2.613.130.000	(1.713.130.000)
Đại lý Trương Thị Huệ	2.438.000.900	-	5.719.415.906	-
Shwe Dar Company Limited	1.117.175.188	(1.055.403.459)	1.102.264.991	(729.065.480)
Các đối tượng khác	76.450.778.031	(8.617.492.863)	94.112.345.684	(8.349.720.225)
	106.842.090.824	(20.093.646.841)	126.456.635.514	(17.849.714.485)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Close Friend Co., Ltd	419.760.000	(419.760.000)	419.760.000	(419.760.000)
Công ty TNHH Du lịch Lửa Việt	706.343.475	-	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	-	-	937.164.691	-
Các đối tượng khác	2.078.136.336	(160.400.000)	1.252.389.867	(160.400.000)
	3.204.239.811	(580.160.000)	2.609.314.558	(580.160.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	18.704.110	-	21.082.192	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	53.612.412	-	55.837.227	-
Tạm ứng	536.300.118	-	491.821.478	-
Cầm cổ, Ký cược, ký quỹ	2.947.200.000	-	151.000.000	-
Phải thu góp vốn liên doanh ^(*)	250.000.000	-	250.000.000	-
Phải thu khác	1.505.178.937	(303.866.089)	2.294.759.593	(278.757.857)
	5.310.995.577	(303.866.089)	3.264.500.490	(278.757.857)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	250.000.000	-	250.000.000	-
Cơ sở sản xuất Nước Việt ^(*)	250.000.000	-	250.000.000	-
Bên khác	5.060.995.577	(303.866.089)	3.014.500.490	(278.757.857)
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	186.473.181	-	302.408.083	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ^(**)	2.947.200.000	-	-	-
Các đối tượng khác	1.927.322.396	(303.866.089)	2.712.092.407	(278.757.857)
	5.310.995.577	(303.866.089)	3.264.500.490	(278.757.857)

7 . PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	431.950.914	-	619.886.914	-
	431.950.914	-	619.886.914	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác	431.950.914	-	619.886.914	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	320.821.000	-	320.821.000	-
Các đối tượng khác	111.129.914	-	299.065.914	-
	431.950.914	-	619.886.914	-

(*) Tại ngày 31/12/2025, Khoản góp vốn liên doanh vào Cơ sở sản xuất Nước Việt còn lại 250.000.000 VND (tương đương tỷ lệ 80% giá trị hợp đồng) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐLD ngày 01/06/2024, phụ lục hợp đồng liên doanh số 01.2026/PLHDLĐ ngày 01/01/2026; trong đó Công ty cử người quản lý, người quản lý có trách nhiệm quyết định các vấn đề liên quan đến kinh doanh. Thời gian thực hiện đến 31/12/2026, lợi nhuận được phân chia từ kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ thực tế vốn góp.

(**) Tại ngày 31/12/2025, khoản phải thu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An theo hợp đồng cầm cố sổ dư tiền gửi số 2573.0306/2025/HĐBĐ/NHCT700 ngày 03/06/2025 có giá trị là 108.000 USD, được dùng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng phát sinh tại Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hòa (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 21).

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.336.495.491	2.242.848.650	25.757.639.093	7.907.924.608
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.386.983.683	-	3.386.983.683	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	-	3.275.568.294	-
- Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Thiên An	1.310.622.033	-	1.310.622.033	-
- Các đối tượng khác	14.363.321.481	2.242.848.650	17.784.465.083	7.907.924.608
Phải thu ngắn hạn khác	307.486.981	3.620.892	278.757.857	-
- Hồ Ngọc Phương	141.888.836	-	141.888.836	-
- Các đối tượng khác	165.598.145	3.620.892	136.869.021	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	580.160.000	-	580.160.000	-
- Close Friend Co.,Ltd	419.760.000	-	419.760.000	-
- Các đối tượng khác	160.400.000	-	160.400.000	-
	23.224.142.472	2.246.469.542	26.616.556.950	7.907.924.608

1110
NG T
HIỆN
KIỂM
AS

PHỔ

6322

NG TY
S PHÂN
T THỰC
VI GỒ

PHỔ HỒ

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.446.156.330	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	70.557.452.132	(2.813.460.600)	69.410.981.445	(23.829.589)
Công cụ, dụng cụ	13.243.599	-	61.851.945	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.069.100	-	32.083.600	-
Thành phẩm	98.629.552.067	(10.241.938.534)	135.373.722.651	(9.769.847.701)
Hàng hoá	55.383.810.371	(926.108.420)	44.361.480.251	(928.072.361)
	228.041.283.599	(13.981.507.554)	249.240.119.892	(10.721.749.651)

Một số hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại thời điểm cuối năm (Xem thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuế tài chính).

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3 ha Khu phố 11, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh ^(*)	3.931.258.900	3.931.258.900
- Dự án kho Long An	-	311.866.029
- Dự án mở rộng kho Cần Thơ	-	158.386.306
- Mua sắm tài sản	290.275.000	290.275.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	181.818.182	181.818.182
	4.403.352.082	4.873.604.417

(*) Công trình phục vụ nông nghiệp dự án 7,3 ha (thực tế mua 47.433 m²) tại Khu phố 11, phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh. Giá trị các thửa đất số 302, 843, 844, 756 theo tờ bản đồ số 6 tại phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh với số tiền 3.931.258.900 VND đã được chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên ông Nguyễn Văn Bé Hai đứng tên thay Công ty theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 29/10/2019. Tuy nhiên, hiện tại dự án đã ngưng hoạt động và Công ty chưa có quyết định xử lý về số tiền này.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.534.390.555	45.024.709.093	37.413.141.473	2.473.991.546	1.135.108.907	152.581.341.574
- Mua trong năm	-	2.280.238.889	-	-	-	2.280.238.889
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	441.150.000	-	-	-	-	441.150.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	3.006.281.190	-	-	3.006.281.190
- Thanh lý, nhượng bán	(112.042.264)	-	(6.308.184.670)	(393.503.181)	(138.125.000)	(6.951.855.115)
- Chuyển lịch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	1.933.738	262.994.784	-	-	264.928.522
Số dư cuối năm	66.863.498.291	47.306.881.720	34.374.232.777	2.080.488.365	996.983.907	151.622.085.060
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	55.054.737.473	40.868.726.672	31.546.387.802	2.107.986.633	1.135.108.907	130.712.947.487
- Khấu hao trong năm	1.182.897.622	1.051.830.671	1.434.820.317	103.413.180	-	3.772.961.790
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	1.966.275.436	-	-	1.966.275.436
- Thanh lý, nhượng bán	(112.042.264)	-	(6.308.184.670)	(393.503.181)	(138.125.000)	(6.951.855.115)
- Chuyển lịch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	1.557.080	184.014.914	-	-	185.571.994
Số dư cuối năm	56.125.592.831	41.922.114.423	28.823.313.799	1.817.896.632	996.983.907	129.685.901.592
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	11.479.653.082	4.155.982.421	5.866.753.671	366.004.913	-	21.868.394.087
Tại ngày cuối năm	10.737.905.460	5.384.767.297	5.550.918.978	262.591.733	-	21.936.183.468

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp bảo đảm các khoản vay: 5.643.177.049 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 107.416.911.436 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.974.198.190	2.974.198.190
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.974.198.190)	(2.974.198.190)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.792.780.548	1.792.780.548
- Khấu hao trong năm	173.494.888	173.494.888
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.966.275.436)	(1.966.275.436)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.181.417.642	1.181.417.642
Tại ngày cuối năm	-	-

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Bản quyền, Bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	7.999.969.934	533.175.000	728.278.868	9.261.423.802
- Giảm khác	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số dư cuối năm	7.999.969.934	383.175.000	728.278.868	9.111.423.802
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.392.893.502	533.175.000	728.278.868	4.654.347.370
- Khấu hao trong năm	140.712.372	-	-	140.712.372
- Giảm khác	-	(150.000.000)	-	(150.000.000)
Số dư cuối năm	3.533.605.874	383.175.000	728.278.868	4.645.059.742
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.607.076.432	-	-	4.607.076.432
Tại ngày cuối năm	4.466.364.060	-	-	4.466.364.060

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp bảo đảm các khoản vay: 4.466.364.060 VND;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.369.506.620 VND.

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là Nhà cửa, vật kiến trúc cho thuê tại Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại 31/12/2025 lần lượt là 1.987.525.446 VND và 1.940.515.748 VND. Chi phí khấu hao đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm là 133.879.495 VND. Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC đối với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 65.167.501 VND và 57.903.838 VND.

Trong năm, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 204.737.368 VND (năm trước là 134.782.858 VND). Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên số tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	309.439.813	243.430.755
Chi phí sửa chữa TSCĐ	75.798.432	98.541.012
Chi phí bảo hiểm	252.560.248	290.969.085
Chi phí thuê kho	287.589.127	154.376.539
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	188.779.097	286.912.079
	1.114.166.717	1.074.229.470
b) Dài hạn		
Chi phí cải tạo đất thuê	129.984.825	139.692.050
Công cụ dụng cụ xuất dùng	184.586.573	266.662.477
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	2.049.125.160	1.452.882.213
Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	11.617.219.919	12.081.908.711
Chi phí trả trước dài hạn khác	842.691.325	316.297.909
	14.823.607.802	14.257.443.360

(*) Khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐTD.05 ngày 27/06/2005 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005. Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Xem chi tiết thuyết minh 21).

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	4.115.806.304	4.115.806.304	8.813.149.461	8.813.149.461
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Long Phát	4.115.806.304	4.115.806.304	8.813.149.461	8.813.149.461
Bên khác	108.680.025.482	108.680.025.482	156.478.213.281	156.478.213.281
Eastchem Co., Ltd	2.046.327.660	2.046.327.660	25.617.304.845	25.617.304.845
Kolon Global Corporation	4.448.217.280	4.448.217.280	16.748.169.480	16.748.169.480
Shandong Weifang Rainbow Chemical Co., Ltd	-	-	11.434.072.500	11.434.072.500
Jiangsu Sinamyang International Group Co., Ltd	12.520.665.408	12.520.665.408	26.111.540.393	26.111.540.393

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Cji Overseas Import and Export Ltd.	12.213.869.850	12.213.869.850	-	-
Anhui Guangxin Agrochemical Co.,Ltd	11.609.045.240	11.609.045.240	870.778.080	870.778.080
Ningbo Generic Chemical Co.,Ltd	14.128.056.291	14.128.056.291	-	-
Phải trả các đối tượng khác	51.713.843.753	51.713.843.753	75.696.347.983	75.696.347.983
	112.795.831.786	112.795.831.786	165.291.362.742	165.291.362.742

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	-	300.000
- Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	-	300.000
Bên khác	218.874.457	345.106.885
- Công ty Cổ phần Thương mại Bảo vệ Thực vật Minh Khai	-	156.489.707
- Công ty Cổ phần Hùng Bình	-	80.515.870
- Hợp tác xã Nông nghiệp Tuấn Thơm	70.453.425	-
- Hộ kinh doanh Hồ Văn Đoàn	39.623.329	-
- Phải trả các đối tượng khác	108.797.703	108.101.308
	218.874.457	345.406.885

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	220.824.832	10.543.391.197	10.602.952.653	-	83.347.885	244.611.261
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	1.200.621.193	1.200.621.193	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	652.461.130	648.811.920	4.842.260.421	3.914.641.797	48.402.200	652.461.130	1.624.832.744
Thuế Thu nhập cá nhân	9.252.791	379.331.641	2.958.875.171	2.963.506.640	7.748.778	12.891.103	386.087.262
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	6.225.639.324	2.834.551.958	9.115.905.982	-	55.714.700	-
Các loại thuế khác	-	-	642.149.607	642.149.607	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	70.129.680	335.478.538	325.566.594	2.015.550	-	82.057.174
	661.713.921	7.544.737.397	23.357.328.085	28.765.344.466	58.166.528	804.414.818	2.337.588.441

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	120.869.552	149.603.868
Chiết khấu thương mại	9.742.901.868	4.675.974.835
Chi phí tổ chức chương trình Quay số may mắn	6.461.114.250	-
Chi phí phải trả khác	540.433.471	26.500.000
	16.865.319.141	4.852.078.703

20 . PHẢI TRẢ KHÁC	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	121.498.509	106.402.458
Các khoản bảo hiểm	13.615.795	906.457.989
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.000.000	132.800.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.443.400.283	1.443.400.283
Phải trả về chương trình bán hàng	1.434.751.199	3.092.485.772
Phải trả lãi ký quỹ	28.668.475	22.444.071
Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển	128.982.842	29.470.484
Phải trả chiết khấu thanh toán	73.823.107	88.043.567
Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	3.678.975.057	5.888.049.986
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.476.544.991	1.126.922.581
	8.480.260.258	12.836.477.191
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.091.854.000	1.316.854.000
	1.091.854.000	1.316.854.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
Cơ sở sản xuất Nước Việt	220.416.175	100.642.175
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh	425.000.000	425.000.000
Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	8.629.161	7.579.499
	654.045.336	533.221.674

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	123.108.165.834	123.108.165.834	377.032.560.720	389.706.028.149	110.434.698.405	110.434.698.405
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh	50.698.235.748	50.698.235.748	208.365.360.517	175.170.261.656	83.893.334.609	83.893.334.609
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽²⁾	55.039.252.319	55.039.252.319	12.416.500.971	67.455.753.290	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An - PGD Mộc Hóa ⁽³⁾	1.300.000.000	1.300.000.000	102.336.267.511	100.696.227.511	2.940.040.000	2.940.040.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An ⁽⁴⁾	1.200.000.000	1.200.000.000	5.899.368.187	4.798.313.826	2.301.054.361	2.301.054.361
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	13.066.465.186	13.066.465.186	3.282.457.853	16.348.923.039	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ⁽⁵⁾	1.734.212.581	1.734.212.581	44.732.605.681	25.182.548.827	21.284.269.435	21.284.269.435
- Vay cá nhân ⁽⁶⁾	70.000.000	70.000.000	-	54.000.000	16.000.000	16.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	649.944.948	649.944.948	348.285.000	998.229.948	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	387.940.000	387.940.000	348.285.000	736.225.000	-	-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	262.004.948	262.004.948	-	262.004.948	-	-
123.758.110.782	123.758.110.782	377.380.845.720	390.704.258.097	110.434.698.405	110.434.698.405	110.434.698.405

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	736.225.000	736.225.000	-	736.225.000	-	-
Nợ thuế tài chính dài hạn						
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	262.004.948	262.004.948	-	262.004.948	-	-
998.229.948	998.229.948	998.229.948	-	998.229.948	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(649.944.948)	(649.944.948)	(348.285.000)	(998.229.948)	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	348.285.000	348.285.000	-	-	-	-
c) Các khoản vay đối với các bên liên quan						
- Ông Nguyễn Quốc Dũng	Mối quan hệ	31/12/2025			01/01/2025	
		Gốc			Gốc	
		VND			VND	
	Giảm đốc (Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)	-	-	-	VND	4.320.000
					VND	54.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm (*)	Mục đích vay	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
(1)	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh Hợp đồng tín dụng số 1700-LAV- 2025002/6 ngày 26/05/2025	200.000.000.000 VND	Theo từng giấy nhận nợ	Theo từng giấy nhận nợ	Thế chấp Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Lô số C1-C3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1700-LCL- 201500653 ký ngày 25 tháng 09 năm 2015 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh thuộc bảo vệ thực vật và các mặt hàng kinh doanh khác đã đăng ký theo quy định của pháp l luật	83.893.334.609	50.698.235.748
(2)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Long An - PGD Mộc Hóa Hợp đồng cho vay hạn mức số 2499.0004/2025. HDCVIMNHCT700-MOC HOA ngày 12/03/2025.	37.000.000.000 VND	Theo từng giấy nhận nợ	Không quá 06 tháng đối với vật tư nông nghiệp và không quá 03 tháng đối với hàng bách hóa tổng hợp, xăng dầu	Quyền sử dụng đất; tài cả quyền, lợi ích tài sản gắn liền với thửa đất số BD 111029, U 862263, U 862395, AB 065297 Tài khoản tiền gửi thanh toán 108.000 USD	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu, bách hóa tổng hợp, vật tư nông nghiệp	2.940.040.000	1.300.000.000
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Long An Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/CV/0007/KHDN/21119 ngày 27/05/2025.	15.000.000.000 VND	Theo từng giấy nhận nợ	Không quá 06 tháng đối với vật tư nông nghiệp và không quá 03 tháng đối với hàng bách hóa tổng hợp, xăng dầu.	Quyền sử dụng đất; tài cả quyền, lợi ích tài sản gắn liền với thửa đất số 844, 843, 302, 756, 07	Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngân hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư Tài sản cố định	2.301.054.361	1.200.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (Tiếp theo):

STT	Hợp đồng	Hạn mức	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm (*)	Mục đích vay	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
(4)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0285/SGN/KHDN/LD25 ngày 31/10/2025 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0284/SGN.KHDN/LD25 ngày 31/10/2025	30.000.000.000 VND	Theo từng giấy nhận nợ	12 tháng, nhưng không vượt quá 17/09/2026	Tài sản cầm cố là tiền gửi có kỳ hạn gửi tại Ngân hàng với số tiền 4.500.000.000 VND và toàn bộ số tiền lãi phát sinh (nếu có) theo Hợp Đồng Cầm cố số 0300/SGN.KHDN/CC25 ngày 12/11/2025. Hợp đồng số 0185/SGN.KHDN/CC24 ngày 30/12/2024; Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0149/SGN.KHDN/TC24 ngày 25/11/2024; hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0149/SGN.KHDN/TC24-01 ngày 31/10/2025 với giá trị hàng hóa được thế chấp là 30.000.000.000 VND.	Bổ sung vốn lưu động	21.284.269.435	1.734.212.581
(5)	Vay cá nhân		8%/năm	12 tháng	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động	16.000.000	70.000.000

(*) Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND		Thăng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND			VND				VND		
Số dư đầu năm trước	105.300.000.000	782.715.818	-	14.149.002.516	62.487.685.785	(22.297.069.372)	10.540.881.536	170.963.216.283		
Lãi/Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(48.499.527.359)	311.400.681	(48.188.126.678)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(366.564.000)	(366.564.000)		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	19.408.537	(19.408.537)	-	-		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(66.537.101)	(66.537.101)	(41.240.744)	(107.777.845)		
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(97.896.724)	(42.703.276)	(140.600.000)		
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-	-	-	611.002.730	-	-	-	611.002.730		
Số dư cuối năm trước	105.300.000.000	782.715.818	-	14.760.005.246	62.507.094.322	(70.980.439.093)	10.401.774.197	122.771.150.490		



34

34

Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư đầu năm nay	105.300.000.000		782.715.818		14.760.005.246		62.507.094.322		(70.980.439.093)		10.401.774.197		122.771.150.490
Lãi/Lỗ trong năm nay	-		-		-		-		15.887.084.849		(282.091.748)		15.604.993.101
Chia cổ tức	-		-		-		-		-		(244.376.000)		(244.376.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-		-		-		50.237.165		(50.237.165)		-		-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-		-		-		-		(50.237.165)		(31.137.787)		(81.374.952)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-		-		-		-		(5.741.394)		(3.558.606)		(9.300.000)
Công ty mẹ chuyển trả thù lao thành viên HĐQT	-		-		-		-		15.000.000		-		15.000.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	-		-		(350.566.981)		-		-		-		(350.566.981)
Số dư cuối năm nay	105.300.000.000		782.715.818		14.409.438.265		62.557.331.487		(55.184.569.968)		9.840.610.056		137.705.525.658

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 16/NQĐHĐCĐ-MJC ngày 11/04/2025 của Công ty Cổ phần Mộc Hóa, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Công ty Cổ phần Mộc Hóa phân phối

	Công ty mẹ	Cổ đông không kiểm soát
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2024	833.511.315	516.623.450
Trích Quỹ đầu tư phát triển	50.237.165	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	50.237.165	31.137.787
Thù lao HĐQT và BKS	5.741.394	3.558.606
Chi trả cổ tức	394.272.000	244.376.000
Lợi nhuận chưa phân phối	333.023.590	237.551.057

35

35

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty mẹ - Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - Công ty TNHH MTV	59,33	62.470.200.000	59,33	62.470.200.000
Jia Hui	8,08	8.505.300.000	8,08	8.505.300.000
Các cổ đông khác	32,60	34.324.500.000	32,60	34.324.500.000
	100,00	105.300.000.000	100,00	105.300.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp cuối năm	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.443.400.283	8.336.209.968
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	244.376.000	366.564.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	244.376.000	366.564.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(244.376.000)	(7.259.373.685)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(244.376.000)	(7.259.373.685)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.443.400.283	1.443.400.283

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.530.000	10.530.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.530.000	10.530.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.557.331.487	62.507.094.322
	62.557.331.487	62.507.094.322

23 . CHÈNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	14.760.005.246	14.149.002.516
Số tăng trong năm	-	611.002.730
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	-	611.002.730
Số giảm trong năm	(350.566.981)	-
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	(350.566.981)	-
Số dư cuối năm	14.409.438.265	14.760.005.246

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty có ký Hợp đồng thuê đất tại các địa điểm sau:

Địa điểm thuê	Diện tích	Mục đích thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê	Thời hạn thuê
Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh	7.720,8 m ²	Xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng và trạm xử lý chất thải	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 25/07/2000 đến ngày 01/01/2046; diện tích thuê đã được điều chỉnh giảm theo Quyết định 5236/QĐ-UBND ngày 11/10/2005.
Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	10.690 m ²	Xây dựng Trung tâm điều hành siêu thị nông nghiệp	Thuê đất trả tiền thuê đất một hoặc hai lần mỗi năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.	50 năm kể từ ngày 24/11/2005
Thành phố Cần Thơ	3.640,5 m ²	Xây dựng nhà xưởng phân phối nông được	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 01/10/2045
Lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh	42.123 m ²	Xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng	Thuê đất trả trước một lần	44 năm tính từ ngày 27/06/2005
Xã Bình Hòa, tỉnh Tây Ninh	3.215 m ²	Thuê mặt bằng để đậu phà phục vụ hoạt động kinh doanh ngành hàng xăng, dầu, nhớt các loại	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng tháng	05 năm, từ ngày 01/09/2019 đến hết ngày 30/04/2026
Thửa đất số 1276 - tờ bản đồ số 3, địa chỉ: xã Tuyền Thạnh, tỉnh Tây Ninh		Thuê mặt bằng để đậu phà phục vụ hoạt động kinh doanh ngành hàng xăng, dầu, nhớt các loại	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	05 năm, từ ngày 13/05/2024 đến hết ngày 12/05/2029
Số TA4, khu phố 3, xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh	100 m ²	Thuê văn phòng để dành cho nhân viên và giao dịch với khách hàng	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2027
Khu phố 3, xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh	2.944,04 m ²	Thuê nhà làm việc, đất ở để mở địa điểm kinh doanh xăng dầu, bãi đậu xe, bến thủy trung chuyển xăng dầu	Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	Từ ngày 20/01/2022 đến ngày 19/01/2027

Địa điểm thuê	Diện tích	Mục đích thuê	Hình thức thanh toán tiền thuê	Thời hạn thuê
Bán Hoại Hè, Huyện Bachieng, Tỉnh Champasak, Lào biên giới giáp bên theo số đất nhà nước số 65 ngày 09/09/2005	4.323 m ²	Xây dựng Trung tâm KM 21	Thuê đất trả tiền hàng năm, đơn giá cho thuê là 968 LAK/m2/năm	30 năm kể từ ngày 01/10/2006 đến ngày 01/10/2035
b) Ngoại tệ các loại			31/12/2025	01/01/2025
Đồng đô la Mỹ (USD)			341.147,67	125.386,93
Đồng Kyat (MMK)			362.152,00	12.591.252,00
c) Vàng ngoại tệ			31/12/2025	01/01/2025
- Vàng (chỉ)			1,50	-
c) Nợ khó đòi đã xử lý			31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh - Phú Thọ			5.336.218.777	5.336.218.777
Đại lý Phạm Thu Hà			4.587.884.688	4.587.884.688
Cửa hàng Phương Đông			2.316.145.180	2.316.145.180
Các đối tượng khác			2.006.831.852	2.006.831.852
			14.247.080.497	14.247.080.497
Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng không thể thi hành do các đối tượng này không còn tài sản để thu hồi.				
25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng			949.493.169.798	885.421.906.250
Doanh thu cung cấp dịch vụ			1.260.073.669	77.777.777
			950.753.243.467	885.499.684.027
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan			956.440.985	733.894.483
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)				
26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU			Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Chiết khấu thương mại			3.841.215.974	4.847.922.880
Hàng bán bị trả lại			9.841.430.911	16.933.848.288
Giảm giá hàng bán			32.863.527	31.482.200
			13.715.510.412	21.813.253.368

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	749.085.291.830	715.382.465.654
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	208.050.269
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.234.425.133	2.638.658.177
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	964.409.874	-
	753.284.126.837	718.229.174.100
Trong đó: mua hàng từ các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)	10.559.494.030	14.038.930.270

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	291.859.590	68.747.386
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	41.193.786	75.234.216
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.057.279.936	11.206.057.908
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	58.720.055	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24.500	-
	10.449.077.867	11.350.039.510

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.591.953.268	8.704.816.633
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	30.287.999.617	28.770.786.887
Lãi nhận ký quỹ, ký cược	18.864.501	19.968.974
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.591.646.437	14.737.913.842
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	419.044.631
Chi phí tài chính khác	13.623.037	49.195.169
	50.504.086.860	52.701.726.136
Trong đó: Chi phí tài chính trả cho bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)	29.183.180	8.640.000

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.549.453.151	11.679.500.831
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	211.607.782	559.793.450
Chi phí nhân công	45.859.368.435	58.676.927.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.920.460.478	1.871.755.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.423.589.221	19.512.194.909
Chi phí khác bằng tiền	18.921.741.246	35.196.767.316
	87.886.220.313	127.496.938.714
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)	17.867.933	147.940.769

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	759.429.196	1.243.331.829
Chi phí nhân công	18.725.478.995	14.241.220.328
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.424.390	393.284.431
Thuế, phí, lệ phí	122.389.755	609.669.118
Chi phí dự phòng	2.193.604.387	741.293.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.153.792.058	3.076.084.132
Chi phí khác bằng tiền	7.522.162.257	5.920.118.911
	34.768.281.038	26.225.002.135

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.267.009.091	241.999.841
Thu nhập từ bán phuy, phế liệu	708.701.248	900.249.441
Thu nhập cho thuê kho, mặt bằng	1.127.524.196	2.640.423.242
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	224.407.057	845.902.534
Thu nhập khác	988.810.896	455.151.020
	4.316.452.488	5.083.726.078

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí xử lý, tiêu hủy sản phẩm hư hỏng, kém phẩm chất	1.951.427.681	688.932.141
Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	4.387.980	4.387.980
Tiền truy thu, phạt thuế, phạt hành chính, chậm nộp thuế	1.058.166.349	133.645.831
Chi phí khác	756.971.474	582.842.143
	3.770.953.484	1.409.808.095

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con		
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Cambodia	2.952.810.760	2.790.265.229
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Sài Gòn - Lào	1.555.867.117	183.310.791
- Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	333.582.544	270.671.344
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.842.260.421	3.244.247.364

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.263.365.236	1.884.388.128
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	8.726.752.903	10.248.071.367
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.990.118.139	12.132.459.495

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	5.013.294.798	5.013.294.798
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.013.294.798	5.013.294.798

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.852.012.234	2.526.448.135
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	(1.745.941.426)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.230.989.342)	(1.779.080.328)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	1.521.318.464	-
	1.142.341.356	(998.573.619)

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	15.887.084.849	(48.499.527.359)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.887.084.849	(48.499.527.359)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.530.000	10.530.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.509	(4.606)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.732.638.701	313.029.133.699
Chi phí nhân công	85.831.328.424	91.656.155.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.000.731.665	4.400.369.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.800.872.074	32.921.562.967
Chi phí khác bằng tiền	35.437.810.449	52.539.625.657
	417.803.381.313	494.546.847.776

38 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá hối đoái của các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản trương đương tiền	23.204.444.443	-	-	23.204.444.443
Phải thu khách hàng, phải thu khác	91.755.573.471	431.950.914	-	92.187.524.385
Các khoản cho vay	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
	119.460.017.914	431.950.914	-	119.891.968.828
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	5.321.564.755	-	-	5.321.564.755
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.592.663.662	619.886.914	-	112.212.550.576
Các khoản cho vay	5.250.000.000	-	-	5.250.000.000
	122.164.228.417	619.886.914	-	122.784.115.331

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ thuê tài chính	110.434.698.405	-	-	110.434.698.405
Phải trả người bán, phải trả khác	121.276.092.044	1.091.854.000	-	122.367.946.044
Chi phí phải trả	16.865.319.141	-	-	16.865.319.141
	248.576.109.590	1.091.854.000	-	249.667.963.590
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	123.758.110.782	348.285.000	-	124.106.395.782
Phải trả người bán, phải trả khác	178.127.839.933	1.316.854.000	-	179.444.693.933
Chi phí phải trả	4.852.078.703	-	-	4.852.078.703
	306.738.029.418	1.665.139.000	-	308.403.168.418

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	377.032.560.720	482.414.302.657
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	390.442.253.149	475.767.397.849
Tiền trả nợ thuê tài chính	262.004.948	449.151.408

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	606.384.684.363	330.653.048.692	937.037.733.055
Tài sản bộ phận	65.183.973.558	86.787.126.322	151.971.099.880
Tài sản không phân bổ			258.847.755.317
Tổng chi phí mua TSCĐ	2.753.471.889	-	2.753.471.889

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh	Bên liên quan của Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa
Cơ sở sản xuất Nước Việt	Bên liên doanh
Ông Võ Anh Tùng	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Điều Quang Trung	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Tổng Xuân Phú	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Võ Văn Nghị	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Huỳnh Chí Quyền	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Võ Thanh Sang	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Trần Đình Vũ	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Phan Thái Hằng	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Phùng Thái Phương Trang	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Nhân sự quản lý chủ chốt (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)
Ông Huỳnh Văn Hải	Nhân sự quản lý chủ chốt (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)
Công ty TNHH TM Nông Phú	Công ty do Ông Võ Văn Nghị làm Giám đốc và người đại diện pháp luật
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Long Phát	Công ty do Ông Huỳnh Đức (Cha của ông Huỳnh Chí Quyền) làm Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	956.440.985	733.894.483
- Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	956.440.985	733.894.483
Mua hàng hóa, dịch vụ	10.559.494.030	14.038.930.270
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nam Long Phát	10.559.494.030	14.038.930.270

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí tài chính	29.183.180	8.640.000
- Lãi vay Ông Nguyễn Quốc Dũng	1.384.767	8.640.000
- Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	27.798.413	-
Chi phí bán hàng	17.867.933	147.940.769
- Công ty TNHH Thương mại Nông Phú	17.867.933	147.940.769

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	3.126.474.271	2.129.544.034
Ông Võ Anh Tùng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
Ông Tổng Xuân Phú	Phó Chủ tịch	430.566.928
Ông Điều Quang Trung	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	493.356.531
	(Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025)	
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	157.431.420
	(Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)	
Ông Võ Văn Nghị	Thành viên HĐQT	36.000.000
Ông Huỳnh Chí Quyền	Thành viên HĐQT	36.000.000
Ông Võ Thanh Sang	Phó Giám đốc	310.452.795
	(Bổ nhiệm từ ngày 05/05/2025)	
Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Phó Giám đốc	446.860.422
Ông Trần Đình Vũ	Trưởng Ban Kiểm soát	328.043.413
	(Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2025)	
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	32.000.000
	(Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2025)	
Bà Phan Thái Hằng	Thành viên BKS	279.812.614
	(Bổ nhiệm từ ngày 25/04/2025)	
Ông Huỳnh Văn Hải	Thành viên BKS	100.391.953
	(Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)	
Bà Phùng Thái Phương Trang	Kế toán trưởng	415.558.195
		292.932.729
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 đã chi trong năm 2024, bao gồm:		37.000.000
Ông Võ Anh Tùng	Chủ tịch HĐQT	7.000.000
Ông Võ Văn Nghị	Thành viên HĐQT	14.000.000
Ông Huỳnh Chí Quyền	Thành viên HĐQT	5.000.000
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000.000
	(Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2025)	
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	5.000.000
	(Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)	
Ông Huỳnh Văn Hải	Thành viên BKS	3.000.000
	(Miễn nhiệm từ ngày 25/04/2025)	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Đinh Hoàng Phát
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2026


Phùng Thái Phương Trang
Kế toán trưởng


Điều Quang Trung
Giám đốc






Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 04 năm 2026
Người đại diện theo pháp luật
Giám đốc



Điều Quang Trung

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BẢO VỆ
THỰC VẬT
SÀI GÒN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST.0300632232
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.14
16:17:03
+0700
Foxit PDF Reader Version:
2025.1.0